TUỆ TỈNH
Q. HẠ

洪義覺斯

南药神效

ARC HOANG 46

Mục Lục THẬP TAM PHƯƠNG

Mao	1-42	2 tr	1-2
1 Bất hoán Kim	43-140	4-	3-6
2 Như trần	141-250	4-	7-10
3 Sâm tố	251-290	2-	11-12
4 Tứ vật	291-420	5-	13-17
5 Ngũ linh	421-482	3-	18-20
6 Huyền Vũ	483-554	3-	21-23
7 Hương tô	555-722	3-	24-26
8 Tiểu sài hồ	723-850	5-	27-31
9 Đối Kim	851-1054	7-	32-38
10 Thập thần	1055-1120	3-	39-41
11 Ô Zược	1121-1174	2-	42-43
12 Ngũ tích	1175-1220	2-	44-45
13 Tứ quân tử	1221-1272	2	46-47
Kết	1273-1302	2	48-49

Hồng-nghĩa Giác-tư Y thư quyển hạ

Hồng nghĩa đường Tuệ thiền TUỆ TĨNH biên
Đồng quan. Hoài nhai Dật sĩ Lê Đức Toàn PHÁP-THANH
sao lục

[MÃO]

Hạnh đàn nhân thuở hồi-xuân
Bút hoa cảo-bản đọn <u>luận</u> 頓論 lương-y
Vâng lời đức thánh PHỤC-HI
Thương chúng yếu chết bất-thì khan ngu 堪愚
Những người bỉ-phu bỉ phụ
Buộc ~~g~~ dải lầm đồ hoặc thế 惑世 giả dân 假民
Cầu xa <u>lướng</u> <u>những</u> <u>để</u> gần
Nào hay tâm chủ 心主 nhất thân 一身 kia là
Người sinh ở thế gian [4a]
[A1] Ai chẳng chịu khí hoà âm dương
Bởi chưng cư-xử bất thường
[Đến khi ngoại cảm] nội thương vọng cầu 妄求
Sư 字 rằng: "Huyết khí chu lưu 血氣周流
Bách chính ngôn *
Sĩ 痔 nay hoặc lạc tại nhàn
Thảo ~~đăng~~ lai 草萊 *
trong tiên giác 先觉 y gia *
(1b) Quốc âm y phương nẫy
Những lời <u>thúc thúc</u> đã đây
Trung gian thư sọ nhiều thầy vì sao 謄抄
Thất niêm 失粘, nhuế tạc 枘鑿 hỗn hào 混淆
Chưa ai chính xác phương nào ~~tuy~~ tinh 粹精
Vậy bèn tra lại chân kinh 真経
Kỉ từ 幾辞 xâm tử 鋟梓 khảo danh từng bài

BULAC

* đức chữ

. Để làm hậu học thế giai 後学梯階
Thủ khuyến hạ trí 取劝下智 xem chơi mặc lòng.
Tuy rằng đạm đạm chẳng nồng
Song lẽ ấy cũng thông thông kinh quyền
Y sư nào phải tài nhèn
Hồi sinh khởi tử 回生起死 mới nên thầy người
Quán thông huyết mạch mọi nơi
Xuất kinh nhập sử 出经入史 có tài chân nho 真儒
NGŨ HÀNH 五行 tư tế trầm phù 沉浮
ÂM ZƯƠNG tiêu bản 標本 THỰC HƯ cấp trì 急遲
Bổ công 補攻 biểu lí 表裏 thậm vi 甚微
VỌNG 望 VĂN 聞 VẤN 问 THIẾT 切 thế thì hợp viên 員
Dũng dược như dũng binh yên 用药如用兵焉
Cứu bệnh cứu hỏa 救火 mới nên chữa đời
Mai xưa tuy có ở lời (ưa 於 lời?)
Sau nên cũng có nửa người nửa ta
Âm zương tiếp lí 燮理 điều hòa *
Y dân y quốc đành ra chẳng lầm

* KINH THƯ: 燮理陰陽 (Tiếp = hòa)

I. BẤT HOÁN KIM 不換金

Thứ nhất bài Bất hoán kim (cầm)

Hay chữa nam nữ zương âm chẳng điều
Mình đau đầu nhức nhiệt triều 熱潮
Cơn sốt cơn rét hôn diêu mửa đàm
Hoặc người nhiễm khí sơn lam 山嵐
Chẳng tiêu tối 消最 nước chúng làm chẳng thông
Hoặc là mửa chảy dòng dòng
Xích, Bạch hạ lị 下痢 đi đồng lâm-li
Xem cho biết chứng mà suy
Khéo làm liệu lọt, dùng thì nên công
Bất qua tí đạo liễu 瞭 được thông lòng *
Dành khi ai khiến để phòng thiết thi 設施
Hoắc hương Cam thảo Trần bì 霍香 甘草 陳皮
Ba đồng một vị mửa hề kém hơn
Thương Truật thì tẩm mễ cơm 苍术 米泔
Bán hạ, [Hậu] phác, thì thang nước giếng 半夏厚朴
Hậu phác cân đủ năm đồng
(26) Thương truật chẳng / khí liệu không mà lầm
Cân hôm 斤[illegible] lấy lại mà cân
Ba đồng cho nặng chẳng kham ít nhiều
~~Cắt làm (K) một liều~~
Bán hạ cũng lấy bấy nhiêu
Cắt làm (K) một liều, giấy trắng liền phong
Một bát nước cả cho trong
Sinh khương năm phiến với cùng hành tươi 生薑
Hai củ toàn thì cho dài
Dùng cả rễ lá, chớ hoài bỏ chi

* 瞭 = 明 thấy rõ, → 瘳 chữa!

QUẢ TÁO bóc hột khử đi
Lấy thịt hai quả cùng thì cắt ra
Hỗn vào chén thuốc điều hòa
Mười phần lấy bảy cạn cho ba phần
Tiễn 煎 thôi ôn (溫) phục tấn tần
Mười phần nọ cắt, năm phần lại làm
* Hoặc nó khẩu ráo tân phiền
Liệu gia CÀN CÁT MẠCH MÔN TIỀN SÀI 乾葛麥门前柴
* Nặng đầu nặng mặt chẳng dời
XUYÊN KHUNG, BẠCH CHỈ, tìm đòi CÚC HOA 川芎 白芷 菊花
TẾ TÂN, CẢO BẢN, BẠC HÀ 細辛, 藁本, 薄荷
Sắc vào điều hòa liền khỏe chẳng sai
3a * Hoặc còn nhức óc nhức / tai
THẠCH CAO nung lửa tán hai đồng tiền 石膏
Rây tinh cho nhỏ sẽ toan
Điều thuốc hoà phục lại yên tức thì
* Phúc bành 腹膨 trướng mãn nhiều bề
Ba tâm 糁 CHỈ XÁC 枳壳 lấy bì khử nhân
Bán hạ, khương chế bình phân (gừng 薑
Súc sa khử vỏ lấy nhân ba đồng
Uống vào tiêu thực khoan hung 宽胸
Tâm phúc trướng mãn khai thông bấy giờ
Đau xương nhức thịt vật vờ
* KHƯƠNG HOẠT, XÍCH THƯỢC, QUẾ CHI, MA HOÀNG 羌活, 赤芍 桂枝, 麻黄
Bốn đồng một vị cho tường
* Đau bụng: QUAN QUẾ, CAN KHƯƠNG lại dùng
Hai ấy một vị ba đồng
Điều vào uống phục nên công chẳng chầy

. Lạnh tả 冷瀉 chứng ấy nguy thay
~~Hạ-tử~~, Đậu khấu liền tay gia vào 訶子, 荳蔻
Ha-tử hai quả chớ nhiều
Khử nhân lấy thịt cất vào cho yên
Đậu-khấu một quả cũng nên
Hạ lị, nồng huyết chứng làm có la.
3b Chẳng/thông dẫn dọc (亂~~[illegible]~~欲) e e 噫
Hậu môn đau nặng ♦ đi ngoài đường
Qui khung, chỉ xác, Tân lang 归芎, 枳殼, 檳榔
Hoàng liên, Bạch Thược, Đại hoàng, Mộc hương 黄连, 白芍
Hành khí, dưỡng huyết, nhuận trường 大黄, 木香
Tiền [illegible] hai lần uống, tất dường tan không
Các vị một vị ba đồng
Ôn-ẩn 溫 mà phục không lòng hiệu thay
Thấy cơn chứng ói 瘧 lây dây 啨哆
Một ngày hai ngày lại phát một cơn
Nửa ngày về sớm phân dương 分陽
Thường sơn, Thảo quả, Tân lang cũng tày 常山, 草菓
Ba đồng một vị cho đầy
Phát quá nửa ngày thuộc về phần âm
Làm cho phải phép chớ lầm
Dùng lấy Bạch Thược, Trà sâm, Khung qui 白芍, 茶苓
Ô mai, Bán hạ, Thanh bì 烏梅, 半夏, 青皮 茵蔯
Ba đồng một vị chớ hề kém hơn
Tìm cho đủ thuốc mà làm (~~ở~~)
Sắc thôi uống đón trước cơn một giờ
Nó mà suyễn 喘 gấp khí ho
4a Hai đồng ~~Tang~~ bạch 桑白, Tử-tô 紫蘇/ba đồng

♦ sót chữ

MAHOÀNG khử tiết chẳng dùng 麻黄
Lại lấy ba đồng hợp cùng TANG TÔ
Tiên 煎 thang cho uống khi no
Thì (侍→時) yên chứng suyễn kẻo lo kẻo nài
<u>Bươn</u> (隂) nấc liền bảy liền hai
Mười tai HỒNG NỖ 紅弩 với mười NÊ ĐINH 葱丁
Phục vào (包) liền ấm VỊ KINH 胃经
<u>Đã</u> chứng <u>buồn nức</u> lại lành <u>nhưng nhừng</u>
Hoặc nó chân tay phát sửng
MỘC QUA, PHÁC PHỤC thay cùng ngũ gia 木瓜
Phúc trung khí - khối chẳng hòa
BỒNG NGA, CHỈ XÁC cũng là HỒI HƯƠNG 蓬莪, 枳壳
Lại thêm HƯƠNG PHỤ, TÂN LANG 香附, .. 回香
Khối tiêu tiến thực yên đường dường này
Dù mà vàng có trao tay
Thì ta chẳng đổi phương này cho ai

II NHỊ TRẦN = 陳

Thong dong lại luận Thứ HAI
Cho biết khuông bài danh NHỊ TRẦN thang 二陳湯
Công hay (皆) chữa mọi chứng đàm
Cho tường tiêu bản 標本 sẽ xem mà dùng
4b Người nào đàm/tích nương lòng
Thường bằng có mắc ở trong yết hầu
Sốt rét nặng cổ nặng đầu
Khi nặng khi nhẹ khi đau khi buồn
Trong lòng điêu dạo (嘈 雜) nhọc phiền
Nuốt đờm chẳng xuống, khạc đờm chẳng ra
Có khi trước mặt xem qua
Quay đầu liền (切) không hoa 空花 bày hàng
Có khi ói (嘔) những nước vàng
Giấc ngủ thưa thớt mơ màng chiêm bao
Có khi ăn lạnh chẳng tiêu
Bước ra phải gió hiu hiu được đâu
Có khi nóng mát giờ lâu
Mắt mũi dàu dàu xem thể chẳng tươi
Chẳng vui, biếng nói biếng cười
Bọt nhổ lại có tanh hôi hơn đờm
Có người bệnh hận hư hàn
Bởi hư thấp hóa đàm diên 痰涎 khôn ngừa
Những người nhà khó khí hư
Cùng nhà giàu có ăn no ngọt bùi
Gái trai già trẻ ai ai 痰門
5a Mười người hằng (恆→恒) tám chín người đàm phần
Bằng người gầy gộc mỏi chồn
Khiến dương uất nhiệt cách đờm thượng tiêu
隔痰上焦

Hễ là chứng lạ bao nhiêu
Ấy đàm biến bệnh, cũng gieo NHỊ TRẦN
BÁN HẠ lấy hai đồng cân 半夏
Thiết tp ra KHƯƠNG CHẾ 薑製 điều quân 調勻
TRẦN BÌ khử bạch chẳng màng [rang vàng
Phơi khô một lạng cân hạm rang qua
PHỤC LINH khử hết bì-mô 皮膜
Thiết tp ra sẽ liệu cân nọ năm đồng
Khử bì CAM THẢO chẳng dùng
Phỏng liệu ba đồng năm phiến SINH KHƯƠNG
Một bát nước cả tiễn thang 煎湯 [和勻
Dùng văn vũ hỏa 文武火 thường thường hoà quân
Mười phân phỏng cạn ba phân
Khử tể 去滓 ôn phục đời tuần hợp cho
Chẳng nề khi đói khi no
Ngày hai bận uống kẻo lo chứng gì
Hoặc là người trắng nhục phì 肉肥
Mật chích 蜜炙 HOÀNG KÌ 黃芪 cho ba đồng cân
Lấy NHÂN SÂM BẮC năm phân
5b Ba đồng BẠCH TRUẬT tứ quân thêm vào
Người gầy máu ít (B→ 少) khí nhiều
Hỏa đàm 火痰 chồn mỏi liệt lao 劳瘵 ho hen
~~Đàm rêo~~ phát nhiệt có cơn
Ban chiều sởn ốc nhiền nhiễn lại buồn
Xương bằng cơn uế (穢) rét dợn(2) 噠 run
Ấy chứng LAO KHAI 劳咳 hỏa đàm huyết hư
THỤC CAN 熟干, BẠCH THƯỢC, SÀI HỒ 白芍柴胡
KHUNG QUI, ĐỊA CỐT, rượu sao KHÔ CẦM 枯芩

滓 - tể = cặn

Sắc cạn để cho hâm hâm
Lưng chén TRÚC LỊCH 竹瀝 hai phần nước gừng
Chọn thằng vô bệnh đồng nam 童男
Lưng chén Tiểu tiện hợp toan cho nhiều
Nhuận vào cũng phục hoà điều
Bổ âm, giáng hỏa, đờm tiêu chẳng chầy
Kiêng mùi rượu thịt cho thày
Phỏng uống một ngày ba bận 牿 không
Đau đầu, BẠCH CHỈ 白芷 XUYÊN KHUNG 川芎
Tâm phiền, TRÚC LỊCH hợp cùng TÁO NHÂN 棗仁 ~棗
THẠCH CAO, TRÚC NHỰ 竹茹 bình phân
Mê là một vị thì cân ba đồng
6a Hoặc là gia MẠCH MÔN/đông 麥門冬
Khử tâm sẽ lấy ba đồng liều cân
Hoặc là tì vị chẳng thuần
Thấy cơm 徒 嘿 bữa ăn ít nhiều
Ợ 呃 chua miệng đắng chẳng kiêu
TRẦN BÌ, BẠCH TRUẬT thì sao cho vàng
SA NHÂN 砂仁 BẠCH ĐẬU 白荳 ĐINH HƯƠNG 丁香
Ba đồng một vị phải phương thì (時) hiệu 效
Còn cơn lại vẫn nhiệt triều
SÀI HỒ nửa lạng, chớ nhiều chẳng kham
Rượu sao bốn đồng khô cầm 枯芩
TIỀN HỒ 前胡 ba bốn đồng cân mạc lòng
Tì hư 脾虛 BĨ MÃN 痞滿 tâm hung 心胸
Rực dạ (翼脆) thủy tả 水瀉 cong lòng khát thay
XÍCH LINH 赤苓 BẠCH TRUẬT 白朮 QUẾ dày (苩)
TRƯ LINH 豬苓 TRẠCH TẢ 澤瀉 hột cây MÃ ĐỀ 馬蹄

Hột ấy bóc vỏ rang đi
XÍCH LINH cùng QUẾ khử bì cho xong
Các vị một vị ba đồng
Kiện phế, thổ tả nên công chẳng chầy
Hoặc ăn của lạnh dạ đầy
Trong lòng ửng-ỉnh đêm ngày dầm-dề
6b CHỈ/XÁC HẬU PHÁC 厚朴 THANH BÌ 青皮
CHỈ THỰC 枳实 THƯƠNG TRUẬT 苍术 ta thì liệu gia
SƠN TRÀ 山查 THẦN KHÚC 神麥曲 MẠCH NHA
Cal Các vị một vị cân cho ba đồng
Uống vào liền biết đói lòng
Tiến thực 進食 tiêu đạo 消導 có công dị thường
Hoặc là ẩm thực nội thương
Tì hư, phế nhược, dạ thường nhọc hao
Ấy dương hãm/phục hạ tiêu 陽陷伏下焦
SÂM, KÌ, QUI, TRUẬT nấy liều bổ trung 補中.
TRẦN BÌ khử bạch 去白 mới dùng
Các vị một vị ba đồng cho no
Lại dùng THĂNG MA, SÀI HỒ
Lấy làm Tá sứ 佐使, giúp phò sự công 事功
THĂNG 升 SÀI 柴 một vị ba đồng
Đạo dẫn nguyên khí về cùng PHẾ KINH 肺经
Tự nhiên nguyên khí lưu hành
Khí huyết tùy vận liền thanh chứng đàm
Suy lường cho biết sẽ làm
Dù gặp kinh quyền ta sẽ bớt gia.

7a III SÂM TÔ 參蘇

Bài này chép ở thứ ba
Có phương đặt hiệu danh là SÂM TÔ
Hay chữa chướng ngược 瘴瘧 bốn mùa
Nhơn nhơn sốt rét bị phu thương hàn
Nhức đầu, ngạt mũi, ho đàm
啞 đầy hai miệng chừng làm mửa khan
Vẫng lại hàn nhiệt có còn
Bỗng thì lại mửa nước vàng đòi khi
Trẻ già nam nữ tiểu nhi
Thấy ai chứng ấy thì liệu (?) luận cho
XÍCH LINH, BÁN HẠ, TIỀN HỒ
NHÂN SÂM, CÀN CÁT 乾葛, TỬ TÔ cũng tày
Bảy đồng một vị cho đầy
Tinh nghiền 精研 bị dụng 備用 ra tay sẽ làm
MỘC HƯƠNG, CÁT CÁNH 桔梗 TRẦN CAM 陳甘
Ba đồng một vị, chớ làm hơn chi
CHỈ THỰC 枳实 cũng bằng CÁT BÌ 桔皮
Gừng dùng năm phiến, nước thì một chung
CỬ HÀNH, quả TÁO lại dùng
Tiên thang 煎湯 ôn phục đơm thông ho dừng
Mồ hôi dợp dợp ra lưng
7b Dù bao nhiêu chứng/ lâng lâng lại lành
Hoặc là tị nậu 鼻衄 chưa thanh
Rang cháy hột dành 葶 một đồng năm phân
Ô MAI, THIÊN MÔN 天門, MAO CĂN 茅根
Một vị ba đồng tiên phục 煎服 liền yên
Tỳ tả 脾瀉 ba đồng Nhục liên 肉蓮
BIỂN ĐẬU 扁豆 TRẠCH TẢ 澤瀉 lại thêm ba đồng

Hãy còn ẩu thổ chưa xong
Hoắc Hương 霍香 năm đồng, nửa lạng SA NHÂN
Thấy còn cồn sốt tần tần
Gia SÀI, KHÔ CẦM 枯芩, hoà khử MỘC HƯƠNG
Thuốc làm <u>tua</u> cứ bản phương
Gia giảm cho tường, xem biết bệnh cơ
Luận cho biết tính thật hư
Đàm hoả, khí huyết tính thổ mới mầu
SÂM, TÔ trước lấy làm đầu
Hoặc xuyên 穿, hoặc hợp 合, là đâu sẽ tìm
Ơn thầy qui liệu 規料 đã nên
Lại hay danh để dời truyền đời sau.

三焦 gồm 上焦: những cơ quan từ lưỡi xuống đến vị: 心, 肺, 食管, cuống thở, các cái huyết quản phần trên — 中焦: khoảng ở giữa hai miệng trên dưới dạ dày (胃). chủ yếu về tiêu hoá và 下焦 từ vị trở xuống gồm: 腎, 小腸, 大腸, 膀胱...

IV TỨ VẬT 四物

Khúc từ TỨ VẬT càng mầu
Làm chủ phần huyết 分血 ở đầu trăm phương
8a Đàn bà / sản hậu thai tiền
Huyết hư phát nhiệt, lao phiền bởi đâu
Máu đau 先 chẳng chính nguyệt hầu 月候
Kháng nhiều thang ít trước sau chẳng hòa
Đầu suyễn 頭旋, huyễn vựng 眩暈 nhãn hoa 眼花
Xích, bạch, đái hạ 帶下, rả rả rỉ-rỉ (洩)
Tiểu tiện xích sắp 赤澁 lâm-li
Đau lưng mỏi gối, phúc tề 腹臍 cũng đau
Hai con mắt đỏ ngầu ngầu
Chân tay mỏi nặng, đi đâu nhọc phiền
Đàn ông nóng ruột gầy mòn
Bẩm khí tố bạc 素薄 chưng tiên 蒸煎 hằng lê
Chớ còn tập tục lời quê
Gọi rằng nam nữ bệnh thì tùng phong 從(?)風
Ấy nó máu ít, khí xông
Tứ vật điều dùng chớ ngờ làm (ly) chi
Hễ là nam-tử nữ-nhi
Huyết hư thì bổ, chớ nệ ai ai
ĐƯƠNG QUI thì khử đầu đuôi 當归
Ngâm rượu cất rồi cân tám đồng cân
BẠCH THƯỢC tẩm rượu hoà quân 和均 白芍
8b Rang qua phổng liệu lại cân / sáu đồng
XUYÊN KHUNG bằng Thược mặc lòng 川芎
THỤC CAN sáu đồng nước rượu rang qua 熟干
Một bát nước cả tiễn hoà 煎和
Phổng mười phần sắc cạn ba bốn phần

Hoặc ban gà gáy tinh thần 精晨
Hoặc ban chiều tối là tuần huyết thông
Ngày hai lần uống lòng không
Khí hành, huyết vận liền thông mọi bề
Uống no càng ích, tiếc chi
Tháng đông gia quế khử bì cho no 桂
Liệu chừng thời-khí bốn mùa
Bằng gặp tháng hạ, SÀI, CẦM 柴芩 cũng nên
Mùa thu gia THIÊN MẠCH MÔN 天麥門
Khử tâm chớ dùng, gia bổ có công
XUYÊN KHUNG, MA HOÀNG, PHÒNG PHONG 川芎, 麻黄, 防風
Xuân tức lạnh tiết, tua dùng lấy cho
Cơn cơn sốt rét khát-khô
Hợp Tiểu Sài hồ thanh huyết lạc cung 血絡宫
Hoặc là KINH bế chẳng thông
HỒNG HOA TÔ MỘC hợp cùng ĐÀO NHÂN
Đầu đồng 頭疼, huyễn vựng gian-truân
9a CÚC HOA 菊花 / KHƯƠNG HOẠT 羌活 TẾ TÂN 細辛 tua bồi
Phiền khát nước, chẳng khi ngơi
MẠCH MÔN, CAN CÁT, Ô MAI lại dùng
XÍCH Bạch đái hạ 帶下 dòng dòng
CẢO BẢN 槀本, Mẫu lệ 牡蛎 hợp cùng MẪU ĐƠN 牡丹
Gia XUYÊN 川 tục đoạn cũng nên
Hãy xem sau trước máu đàm 痰 lâm lề
Nó mà trật 秩 lại tiên kì 先期
Máu tươi đọng đục (洞濁) hễ đi thì nhiều
Ấy chứng HỎA UẤT TAM TIÊU 火鬱三焦
Huyết hãy lạc bào 血(海)絡胞 nhiệt khí chưng dâm 蒸淫
Bồi gia SINH ĐỊA 生地 ĐIỀU CẦM 條芩
MẪU ĐƠN ĐỊA CỐT 地骨 SA SÂM 沙參 LIÊN KIỀU 連翹

Bồi dùng SÀI HỒ cho nhiều 子宫

HỒNG HOA 红花 thiếu hỏ 火許 thanh điều 清调 tử cung

Hoặc nó đau bụng đau lưng

Hậu kì 後期 thấy ít cong lòng (工) xót-xa

Tía đen thăm thẳm (參探) sắc hoa

Thấy thì đau vắt máu ra dằng (繞) hòn (丸)

Ấy trong huyết hãy súc hàn 缩寒

Trệ khí 滞气 ngưng huyết cho nên lỗi kì

Nhân chứng máu cũ / chưa đi

Máu mới hoàn trì, cho kịp tân sinh 新生

NHŨ HƯƠNG 乳香 Ngải diệp 艾葉 chỉn lành

Tìm HUYỀN HỒ 玄胡 sách (索) NGŨ LINH CHI 五灵脂 dùng

Tán, rây, điều thuốc hoà dùng

Thiếu hỏ 火許 tiện đồng 便童 hoà cùng rượu ngon

Điều hòa chén thuốc phục ôn

Khí thông, huyết sảng, trệ tan, đau dừng

Chẳng còn đau bụng đau lưng

Máu cũ tan-tành, máu mới liền ra

Nguyệt kinh 月经 chưa lợi chưa hoà

NGƯU TẤT 牛膝 LAN DIỆP 蘭葉 hiệu mà thiết tạo cho

Hoặc là nó có tiếng ho

HẠNH NHÂN 杏仁 TANG BẠCH 桑白 DIỆP TÔ 葉蘇 MA HOÀNG

Thấy mà còn chứng khát phiền

BẮC SÂM 北參 TRÚC NHA 竹茹 tán hòn THẠCH CAO 石膏

Nằm giường chẳng nhập (入) buồn sao

NHÂN SÂM 人参 ~~ĐẠM THẠCH~~ 淡竹 THẠCH CAO chớ rời

Huyết băng xuống những máu tươi

Thiêu hôi 灰 gian tử 櫚子 cùng hôi 灰 LIÊN PHÒNG 莲房

Phế hư hãm hạ huyết thông

PHỤC LINH 茯苓 CAM THẢO 甘草 xá dùng hại chi

10a THĂNG MA 升麻 SÀI HỒ 柴胡 HOÀNG KÌ 黄芪
BẠCH TRUẬT 白术 gia bổ máu đi liền dùng
Thấy còn hoảng hốt mơ màng [石朱 石少
TÁO NHÂN, VIỄN CHÍ 遠志 PHỤC THẦN 茯神 Châu sa
Lòng còn phiền sốt muốn mê
SÀI, LINH, BÁCH HỢP 百合, CỐT BÌ 骨皮 lại gia
Hoặc có khí khối trưng hà 癥瘕 *
TAM LĂNG 三稜 TRẦM MỘC 沉木 BỒNG NGA 蓬莪 lại dùng
Đau 尤 dãy tức nương long
. THỰC 枳实 HẬU PHÁC hợp cùng tày nhau
THANH BÌ 青皮 BÁN HẠ càng mầu
Gia thêm CAM THẢO bằng nhau chớ nhiều
Uống vào đau dạ tất tiêu
Ăn ngon, khí huyết lại điều như xưa
Da vàng mặt võ(?) 俯, 撫? lư thư 卢舒
NHÂN TRẦN 茵陈 BẠCH TRUẬT 白术 TRẦN BÌ, CAN KHƯƠNG
SƠN CHI 山栀 bóc hột mà rang
Hai đồng một vị liều lường mà suy
Thấy mà đau nhức tứ chi 四肢
CAN KHƯƠNG, HỒ SÁCH 胡索, QUẾ BÌ cũng nên
Huyết ráo, chẳng lợi đại tiện 大便
10b ĐÀO NHÂN, TRẠCH TẢ, ĐẠI HOÀNG / MẪU ĐƠN
Nó có huyết lị 血痢 phong trường 风肠
CHỈ XÁC, PHẤN HUỆ 芬蕙 hợp cùng HOÀNG LIÊN 黄连
MỘC HƯƠNG 木香 BÁCH DIỆP 柏叶 cũng nên
Hậu môn 後门 đau nặng TÂN LANG sẽ dùng
A GIAO 阿胶 chẳng khá làm (ly) không [王朱
Bình khí 瓶器 thiêu hồng 烘 giẻo quá thành châu

* 癥 = Trưng: là khối cứng nổi ra trong bụng ~ 瘕 = Hà: khối khi tụ khi tan ở trong bụng

Một vị ba đồng cho no
Uống kiến chỉ lị 止痢, máu thu can-tạng 肝臟
Hoặc là động thai chẳng an
Điều cầm 條芩 BẠCH TRUẬT, chớ làm (kỳ) 芩枯 lình khô
SAN NHÂN 砂仁 HƯƠNG-PHỤ, TỬ-TÔ
NGẢI DIỆP 艾葉 CHỈ XÁC xá lo liệu lường
Hai đồng một vị sẽ làm (富)
Uống vào thai-phụ 胎婦 được an được tuyền
Hoặc còn đầy túc chưa yên
Rễ gai 苧 sắc rượu cho yên mới lành
Rau HUYÊN 萱 thường lấy nấu canh
TỨ VẬT thường phục thì lành mẫu nhi
Chữ 字 bài TỨ VẬT mà suy
Xem chứng gia giảm cẩn tùy đinh ninh.

11a

V NGŨ LINH 五苓

Thứ năm lại luận NGŨ LINH
<u>Chín</u> thật phương lành chữa thuở hạ thiên 夏天
Chứng làm nóng sốt khát phiền
Uống nước liền liền chẳng biết rằng no
Thủy tả 水瀉 <u>hâm hấp</u> bì phu
Biểu lí chẳng trị chữa giải chửa xong
Nhức đầu mỏi cổ đau lưng
Phúc trướng 腹脹 tả tiết 瀉泄 chẳng dừng khát khao
Tì hư hoắc loạn đau <u>giảo</u> 絞
Nước đi tiểu tiện đỏ đào bằng vang 邦
Trước thì ta cứ bản phương
Gia giảm xem tường, <u>kiệt lọt</u> (suốt) cho tinh
XÍCH LINH, BẠCH TRUẬT, TRƯ LINH 豬苓
TRẠCH TẢ một vị bảy đồng cho nó
QUẾ NHỤC ta khử bì thô
Thiết ra sẽ lấy cân cho năm đồng
Sắc thôi liền gạn cho trong
Chờ khi <u>man mát</u> <u>cong</u> 空→宮 / lòng sẽ toan
Dương độc, nhiệt độc phát ban 瘢
Tâm kinh 心經 hỏa động máu liền <u>thôi</u> ra 催
Phép gia BẠCH THƯỢC, THĂNG MA 白芍升麻.

11b

Bèn lấy QUẾ NHỤC khử/ra cho rồi
Cuồng ngôn loạn ngữ <u>đòi thôi</u>
Oa tà khẩu nhãn 喎斜 ai ai <u>rời dường</u>
CHÂU SA 硃砂 tán một đồng tiền
Điều thang <u>hòa</u> uống đã nên phương thần
Thấy còn hoàng đản 黃疸 tay chân
Thì ta gia ~~thuộc~~ NHÂN TRẦN MỘC THÔNG 蕙茵陳木通

Hoặc còn phiền rạo tâm hung
SÀI HỒ, CÁT CÁNH hợp cùng TẢO NHÂN
Nó mà hoắc loạn chuyển gân
HOẮC HƯƠNG nửa lạng, lại năm phân HỒI 茴
MỘC QUA 木瓜 khử ruột cho rồi
Lại dùng TẾ HỒI 脊茴 chẳng khó làm (ky) hơn
Thân thể cấu quắp câu loan 拘挛
Nấm đồng MA HOÀNG khử tiết càng hay
Trong lòng khí khối 氣塊 dạ đầy
LĂNG NGA 棱莪 gia bỏ, khối rày tan đi
Đờm, gia BÁN HẠ, TRẦN BÌ
TRẦN thì khử bạch, HẠ thì chế khương
Đầu đông 頭疼 huyền-vựng KHUNG, CỎNG
Tị huyết, rang vàng hột dành chờ sai 葶
Lấy thịt khử hạch 核 Ô MAI,
12a Gia/giảm vị bài, có chúa, có tôi
Tiểu trường thông khí 痛氣 gia HỒI 茴
Nước còn muốn uống, tìm đòi CÁT CĂN
Ho, gia NGŨ VỊ 五味 HẠNH NHÂN 杏仁
Suyễn, dùng TANG BẠCH, ĐÂU LINH 兜鈴 phép làm
Đại tiện bí sáp 秘澁, ĐẠI HOÀNG
TIÊU 小硝 tán ít tiên thang 煎湯 điều vào
Chẳng yên tâm khí hư hao
NHÂN SÂM, TRÚC NHỰ 竹茹 THẠCH CAO mặc lòng
TRÚC DIỆP cùng MẠCH MÔN ĐÔNG 冬
Phục vào yên lòng mát mẻ kẻo lo
Vang lại hàn thử khát khô
Dùng TIỂU SÀI HỒ hợp cùng bản phương 本方

澁 = sáp = tắc

477 Cốt khí 骨氣 chiến lật 战慄 chẳng yên
THÙ DU 茱萸, chỉ xác, điều thang lại lành
Phương này đặt hiệu NGŨ LINH 小便
480 Cộng chỉ khát tả 止渴瀉 lại thanh <u>tiểu tiện</u>
Đạo này ai học hãy chuyên
482 Dù gặp kinh quyền ta sẽ ra tay.

VI. HUYỀN VŨ 玄武

Lại xem đồ thứ kể bày
Thứ sáu phương này là HUYỀN VŨ THANG
12b Mùa đông / tiết lạnh nghiêm sương
Có công phù khí 扶氣, vệ dương 衛陽 được tuyền
Hễ phải trúng phong thương hàn
Chân tay đều lạnh, nhiên nhiên nhức đầu
Dạ thì đầy tức cứng đau
Tuy nóng mình đấu, le ráo mồ hôi
Mạch thì khi vắn khi dài
Khi cả khi nhen sâm-si chẳng đều
Đã ho thì lại nhiệt triều 熱潮
Ngày ngày lạnh tả 冷瀉 ra nhiều chứng khôn
Thuốc này bào chế phép còn
ĐẤT VÁCH một hòn tìm mai 買 đông phương 東方
Lâu ngày gồi khí âm dương
Đất tán, BẠCH TRUẬT rang vàng ◆ ◆
BẠCH TRUẬT (?) cân xứng bảy (?) đồng
• Rồi (?) chừng các vị hợp dùng cho no
PHỤC LINH 茯苓 thì khử bì mô 皮膜
Cắt rồi phỏng liệu cân cho bảy đồng
BẠCH THƯỢC rang rượu mặc lòng
Cân lấy bảy đồng lại tày Truật Linh
CAM THẢO khử bì mới lành
PHỤ-TỬ, BẠCH 白朮 để dành làm thang
13a Bát nước năm phiến / sinh khương 生姜
Hỏa dùng văn vũ phép tiễn 煎 điều hoà
Mười phân thì phỏng cạn ba
Phục thời xem chứng bớt gia vị gì

Khân thể đông thống 疼痛 đòi kho
Tìm gia KHƯƠNG HOẠT 羌活 QUẾ BÌ, PHÒNG PHONG
Nhức đầu BẠCH CHỈ, XUYÊN KHUNG
BẠC HÀ, CẢO BẢN, hợp cùng TẾ TÂN 細辛
Hồ đờm, NGŨ VỊ, HẠNH NHÂN
CHỈ XÁC, CÁT CÁNH bình phân đã đành
DIỆP-TÔ, BÁN HẠ, NAM TINH
TRẦN BÌ khử bạch, sấm sanh hoà dùng
TÔ (?) HA thì rang nước giừng
Một vị ba đồng cứ phép chẳng sai
Bì phu chẳng có mồ hôi
MA HOÀNG, THƯƠNG TRUẬT tìm đòi QUẾ CHI
Tuỳ cơ ứng biến mà suy
BẠCH TRUẬT thì khử cất đi cho rồi
Tả tiết 瀉泄 chẳng hay vừa thôi
Bội gia BẠCH TRUẬT tìm đòi HOẮC HƯƠNG
A TỬ 訶子, ĐẬU KHẤU cũng nên
Khẩu khát TRẠCH TẢ CÁT CĂN hiệu làm
13b Nhìn xem muôn loài các phương
Phép nhiệt dùng hàn, phép hàn dùng ôn
Sao thành HUYỀN VŨ có phương
Thuốc dùng tính hàn làm chủ mùa đông
Đã bế 閉→閉 thì dẫn cho thông
Cho kẻo nghĩ lòng kẻ làm tư nhân 斯人
Bởi chưng khí hóa chẳng thuần
Giữa trong tiết ấy là tuần nghiêm sương
Biết hằng giáng phục 降伏 thu tàng 收藏
Lạc nhường 樸 Khách khí 客氣 khiến dương tạp thì
遣陽雜時

Nhân chứng khí vận chẳng tề
Cho nên già trẻ nhiễm nay dịch-thì 疫时
Dùng phương BẠCH TRUẬT bổ tì
PHỤC LINH, CAM THẢO cùng về thận gia 胃家
TRUẬT hay SÂM thiết tri thay là *
CAM hay bổ tiếp điều hòa thận gian 腎间
Lại có THƯỢC-DƯỢC toan hàn 酸寒
Công nhiều phò vệ chân tuyền giáng thu
THĂNG MA giải độc, khinh phù 轻浮
Phép tuy làm (ý) bổ, lại hầu làm công 攻
Học cho biết đến lí cùng
14a Chớ còn nê/chấp chẳng thông bài này
Tai ra tư mệnh 司命 dễ thay
Cứ kinh 救经 cho xác lại hay dụng quyền
Kinh luân phép đọc cho chuyên
Dược-tính năng luyện trong ngoài thập thu 拾收

Có chữ: 参定血 Sâm định huyết

VII Hương Tô 香蘇

Bằng nay thời vật khí thư 氣舒
Thứ bảy lại lấy HƯƠNG TÔ mà luận 论
Công 功 hay thắm bệnh mùa xuân
Chóng (瘖) đầu sốt rét uống ăn chẳng đều
Thương hàn trướng mãn 脹滿 nhiệt triều 熱潮
Thời khí ôn dịch 温→瘟 cũng gieo bài này
Trong ngoài lưỡng cảm mạnh thay
Bừng bừng phát nhiệt gây gây 䫌 ố hàn
Thương phong cảm mạo chớ bàn
Xông thẳng huyết dật 血溢 thì toan phương này
TRẦN BÌ, HƯƠNG PHỤ cũng tầy (斋→齐)
Năm đồng một vị, cân đầy chớ dư (dôi)
Bốn đồng TÔ DIỆP mà thôi
Ba đồng CAM THẢO khử bì thiết 切 ra
CỦ HÀNH, THƯƠNG TRUẬT lại gia
Đong một bát nước thiết ba lát gừng
14b Tiễn 煎 thang ôn phục lòng không
Lại xem đợi chứng liệu dùng bớt thêm
Chẩn đậu 疹 痘 chửa mọc chớ quên
Thì gia CÀN CÁT 乾葛 cũng nên MA HOÀNG
THĂNG MA 升麻 lại lấy làm thang
Xích. BẠCH hạ lị 下痢 đi đường tương liên
KHUNG QUI 芎归 BẠCH THƯỢC, MỘC HƯƠNG
HOÀNG CẦM CÁT CÁNH (枳→梗) HOÀNG LIÊN phân bình
Liệu làm một vị ba đồng
Bất khử CAM THẢO chớ dùng làm chi
Còn cơn triều nhiệt chẳng di (移)
SÀI, SÂM bội dụng giữ lề càng hay.

疹 bệnh nổi mụt nhỏ

Nương long trừ tới dạ dày
HẬU PHÁC cho dày 苔 khử bì chế (制→製) KHƯƠNG
BÁN HẠ (干→半) rang gừng cho vàng
THƯƠNG TRUẬT thì tẩm mễ-CAM 米泔 có lòng
CHỈ-XÁC, TRẦN-BÌ (陈·久→皮) sẽ dùng
Một vị phỏng lấy hai đồng năm phân
Gia điều tiên phục 煎. 服 tảo thần 早晨
Tiêu trướng, khoan bành, 消脹, 宽膨 ăn uống như xưa
Còn cơn thúng-thắng tiếng ho
Cát cánh, ngũ vị / cùng đồ 徒 hạnh nhân 杏仁
Thấy cơm 徒嘿 rái ăn
ĐINH HƯƠNG, BẠCH TRUẬT, SA NHÂN gia vào
HOẮC HƯƠNG, BÁN HẠ cũng chiều
Hai đồng một vị chớ nhiều bội phân
MỘC BÌNH 木邢 XUÂN KHẮC 春尅 THỔ THẦN 土神
Tì hư, thủy tả, ta luận HOẮC HƯƠNG
BẠCH TRUẬT ĐẬU KHẤU tiên thang 煎汤
XA TIỀN khử xác rang vàng sẽ gia.
SÀI HỒ, THƯƠNG TRUẬT khử tà
Mộc bình 木平 thổ quán 土贯 vị hòa tả 泻 yên
Thấy còn ngược tật phát dương
THƯỜNG SƠN 常山, THẢO QUẢ, TÂN LANG, THANH BÌ
Ô MAI, HẬU PHÁC giữ lề
Liệu làm một vị phỏng suy ba đồng
Trừ âm BẠCH THƯỢC, QUI, KHUNG
THỤC CAN 熟干 TỨ VẬT chớ dùng THƯỜNG SƠN
THĂNG MA, SÀI HỒ cũng làm
Ô MAI khử hạch mới nên gia vào
Bằng nó thủy tả chứng nguy 危 (→nghèo 䵲) *
MỘC HƯƠNG HA TỬ 訶 (→柯) 子 dùng nhiều cũng cho

* nghèo 䵲 xx 764

713 . . Ấy trung 綾 thống [痛] chẳng lo
·Hồi hương, Ô dược 烏藥 Hồ 延胡 LINH CHI
715 BẠCH THƯỢC, BẠCH TRUẬT bổ tì 灵脂
. XA. KHƯƠNG 東薑 QUAN QUẾ, TRẦN BÌ hợp nhau
Vì dùng Cước Khí 腳氣 đã lâu
TRUẬT NGƯU TẤT lại cầu TÂN LANG
Tùa dùng thêm cọ ĐỘC KHƯƠNG 獨羌
720 Thuốc dùng tùy chứng tùy phương tùy bài
Máy thường cải được ở người
722 Tự nhiên thiên mệnh theo đời giúp cho.

VIII TIỂU SÀI HỒ 小柴胡

Thứ tám luận TIỂU SÀI HỒ
Chữa chứng ôn dịch bốn mùa cũng thông
Vãng lai hàn nhiệt khá dùng
Khí sáo 氣䏩 đau tức nường long cũng đầy
Nhức đầu ẩu thổ 嘔吐 đêm ngày
Rái ăn miệng đắng mạch tay phù huyền 浮弦
Thiệt can 舌乾 khẩu táo 口燥 buồn muộn
Giấc nằm chẳng ngủ nhọc phiền khuẩng khuâng
Đại tiện bí sáp chẳng thông
Tiểu tiện thì đỏ chẳng trong mọi bề
Vãng lai tựa ngược 瘧 hằng lề
16a Sốt nhiều rét ít, đồng thì cuồng ngôn
Nửa tà ở biểu hào truyền
Nửa ta ở lí 裏 chẳng còn hồ nghi
Có người nhiệt uất phụ bì
Hoả đàm gây gộc (瘍→癘) máu suy hỏi nhiều
Có người hãn hậu 汗後 nhiệt triều
Tiểu nhi cam nhiệt 疳熱, thượng tiêu ủng đàm 上焦
Đàn bà chẳng chính máu đàm 宮
Gan chồng thu tạng 收臟, tâm hiềm chủ trương
Cho nên nhiệt uất thiếu dương 少陽
Phụ nhân huyễn vựng, đầu xuyên 旋, nhãn hoa
Hoặc là nam nữ trẻ già
Thấy ai chứng ấy thì ta sẽ làm (TY)
NHÂN SÂM chẳng khá dùng NAM
BẮC SÂM phòng làm cho bốn đồng cân
Sáu đồng SÀI BẮC bồi phân
Năm đồng KHÔ CẦM 枯芩 khử xuất hư khô

Nấu đồng BÁN HẠ cân no
Chế gừng rang 跂 sẽ cho mặc lòng
Cam thảo khử bì ba đồng
Một bát nước cả cho trong hoà cùng
16b Lắm/kỳ rồi chén thuốc cho xong
Thiết tp năm lát (剁小剌) gừng, ba quả táo khô
Hoặc tươi thì lấy cho no
Lấy thịt bỏ hột, chờ cho sắc vào
Biến 然 thời khi chửa cơn triều
Giường uống đón trước cho tiêu nhiệt tà
Uống rồi lại luận bớt gia
Xem tường trong chứng sẽ gia vị nào
Nó còn rét ít sốt nhiều
Cơn thời uống nước khan khao nồng nàn
TÂN LANG, THẢO QUẢ, THƯỜNG SƠN.
Ô MAI, BẠCH PHỤC, MẠCH MÔN, THANH BÌ
Ô MAI thì khử cái 去核 đi
THẢO QUẢ khử bì, THANH BÌ khử tâm
Các vị một vị ba đồng
THƯỜNG SƠN chế rượu sẽ dùng mới nên
Rét nhiều sốt ít nhọc phiền
Cơm ăn lẻo đẻo 了鳥 chẳng ngon chẳng đều
Nước thì chẳng khát bao nhiêu
Song le hư tổn chứng nghèo hằng sinh
Phép dùng lâm(kỳ) THẢO QUẢ NHÂN
17a TRẦN BÌ lưu bạch 留白 bội phần SÂM KÌ
Lại dùng BẠCH TRUẬT bổ tì
HOÀNG KÌ mật chích 蜜炙, TRUẬT thì rang qua
Cũng nên gia có THĂNG MA
QUI THÂN, NHỤC QUẾ mặc ta liệu dùng

Ấy bài Ôn vị hoà trung 溫胃和中
Bổ hư, tiệt ngược 截瘧 chước dùng hoàn viên
Bằng nó chẳng 瘨 ra cơn
trong lòng phiền sốt buồn muộn thâu ngày
Nhân xem biết mạch đôi tay
sáu bộ phù số 浮數 cho hay biểu tà 表邪
Thì gia CÁN CÁT, THĂNG MA
MẠCH MÔN, ĐỊA CỐT điền hòa tiễn thang 煎湯
Máu sốt gia SINH ĐỊA HOÀNG 生地黄
Suyễn gấp TRI MẪU 知母 thuốc cũng hiệu thay
Ngược lị, triều nhiệt, đôi ngày
Hoàng LIÊN, BẠCH THƯỢC cùng nay CÔT BÌ
Sốt rét tửa ngược 瘧 kể chi
Ô MAI, THANH BÌ, TÔ DIỆP hiểu sao
Nhức đầu, TẾ TÂN 細辛, THẠCH CAO
Ho đờm, NGŨ VỊ hợp vào HẠNH NHÂN
178 CÁT CÁNH, BỐI MẪU 貝母 bình/phân
Một vị thì phòng hiểu cân ba đồng
Tị nục 鼻衄 máu mũi dòng dòng
CỐT BÌ, SINH ĐỊA, MẪU CĂN, BỒ HOÀNG
Tiểu tiện đỏ, sốt TIỂU TRƯỜNG
TRẠCH TẢ, NHỤC QUẾ, NHÂN SÂM, XA TIỀN
MỘC THÔNG, LINH TRUẬT, TRƯ LINH 豬苓
Tiện thời cho uống liền thanh tiểu tiện 便
Tám phúc bỉ mãn 痞 đầy lên
Đại tiện bất lợi ĐẠI HOÀNG, PHÁC TIÊU 朴硝
CHỈ XÁC, HẬU PHÁC, phải biết
Khuẩn tràng quang hoả đi nhiều liền thông
Sản hậu thoát huyết hư tâm
Kinh cuồng loạn huyết phách thần chẳng thanh
魄神

.THÂN SA, VIỄN CHÍ, TẢO NHÂN
THỤC CAN 熟干 BẠCH THƯỢC lại kiêm QUI KHUNG
THỤC, THƯỢC 熟芍 hai vị tua dùng
Cắt ra bào chế hợp cùng rượu rang
TIỂU SÀI 小柴 hợp TỨ VẬT thang
Huyết hư phát nhiệt có phương đã kiêm
Trấn kinh 鎮驚 bổ huyết, yên thần
Sản phụ, kinh nhiệt, thập phần yên lành
18a Có người sản phụ mới sinh
Ráo máu tạng phủ, lạc, kinh không đường 絡經
Một khát chẳng được tựa nương
Dẫn ra nóng sốt, nhiệt trên bì phu
Sốt nhiều rét ít lại đi
Mựa 馬 rằng chứng hoại 壞 làm ty chi bàn nàn
Chớ nề BẠCH THƯỢC, TOAN HÀN
Sản hậu cấm dược chẳng toan thì lầm
Bản phương rượu chế Khổ Cầm 枯芩
THỤC CAN, BẠCH THƯỢC rượu dầm rang / Chớ
TỨ VẬT hợp TIỂU SÀI HỒ
Ngoài giải biểu nhiệt, trong thu huyết về
Sản phụ cơn nóng chưa đi
Làm ty bài TỨ VẬT, KHUNG, QUI, ĐỊA HOÀNG
Nhiệt cơn BẠCH THƯỢC rượu rang
Bốn vị cho tương, ta làm ty bình phân
Một vị là bốn đồng cân
CAN KHƯƠNG sao hắc hỏa cân năm đồng
Biện thôi lưng chén TIỆN ĐỒNG 便童
Điều thuốc hỏa phục, tan không nhiệt tà
Lạ thay triều đạo y-gia
18b Mựa mô nào khác chước / nhà dụng binh

Ai từng TỨ VẬT tính bình
CAN KHƯƠNG tính nhiệt tư hùng 資雄 bội gia
Phép từng khử hết nhiệt tà
Chẳng di 遺 chút độc, lại hoà mau hồi
Khá khen kẻ trước ra tài
Tiền nhân 前人 tập tục học đòi chung đây
Tiền nhân chớ khá chẳng hay
CAN KHƯƠNG tính sốt vị cay sát tà
Vị cay vốn thuộc KIM gia 金家
Rang đen ấm vị 胃 tì 脾 hoà có công
Hợp thang TỨ VẬT cùng dùng
Hay dẫn huyết dược, về thông khí phần
Có tài hướng đạo đem quân 仁守成
Ngoài ngự đỡ cả 外感打救, trong nhân thủ thành
Vỗ yên khí huyết hoà bình
Tứ thể mát lành, trả bữa cơm ngon
Xem tính TIỂU SÀI HỒ THANG
Lương khí, thông huyết, tiêu đàm, giải ôn.
Hợp cùng TỨ VẬT, CAN KHƯƠNG
SẢN PHỤ phát nhiệt, tiền phương để tày.

IX ĐỐI KIM 对金

Thuở chín lại chép kể bầy
Dấu cũ bài này linh nghiệm Đối Kim
Thuở còn tính chẳng phù trầm
Ích dương, khử thấp, bổ âm, kiện tì
Chữa người hay ở thuyền bè
Không nghề buôn bán, quen đi sơn trường
Công 功 trừ chướng ngược, sơn lam
Khoan trường, tiến thực, tiêu đàm, hoà trung
Có người hăm hở sự công 事功
Biên thùy khuya sớm phục phòng 服防 cũng nên
Có người vâng lệnh nhất truyền
Biên phương trấn nhậm THÁI NGUYÊN 太原 xa đường
Hiểm cao quái dị lạ thường
Sơn lam, uất dã, độc lang, độc xà
Chốn nhiều quỉ muội dâm tà
Chướng vũ yên hà, ngoại cảm nội thương
Tinh thần 精晨 mỗi đán 每旦 phục thường
Mười năm cõi ấy ở phương cũng lành
Đông Nam thuỷ trướng 水瘴 địa bình
Chốn nhiều khe hác, đất sinh câu cừ 溝渠
Ngược suối nghìn dặm giang khê
19b Xuống lên lần lộn nắng / mưa ra vào
Dưới thì nước mặn ba đào
Trên thì nước ngọt tiền giao hỗn đồng
Sông ngòi khuất khúc trăm dòng
Hỗn chủng uế tạp, nước đồng tanh nhơ
Năm năm hễ đến tháng hè
Phương dân ăn phải uế . ê 瀆疾 liệt lào

Lại có sốt rét cơn triều 干潮
Động thì nóng nước, khát khao chẳng dừng
Cầu lên chướng ngược trong lòng
Kẻ tày trứng cả, kẻ bằng tiểu qua 小瓜
Dân si gọi cái BẠNG 螃 là
Đờm cùng trướng-thủy hỗn hòa cái nên
Phương nầy hằng phục tướng liền.
Bảo ôn trừ chướng, đàm liền hạ tiêu 下消
Có người ngược hãn khí lao
Vị hư, ăn uống chẳng đều bữa ~~cơm~~ cơm
Nhân chưng tì thổ 脾土 thấy hàn
Da đầy (đầy? [illegible]) xương nặng mỏi chồn chân tay
Bủng beo [illegible] yếu đuối lay day [illegible]
Năm ngày mười ngày lại rét một cơn
Hoặc là làm tán làm viên
20a Phục/ [illegible] tinh khí kiên cường bội gia
Có người nguyên ở cõi xa
Về ăn nước khác tới da chẳng tiêu
Bụng đầy bĩ tắc 痞 Tam tiêu 三焦.
Thất thường t 傷 cũng trị, ngũ lao cũng làm
Thịt da ngoại cảm phong hàn
Ăn của sống lạnh trong thương vị tì
Thương hàn ôn dịch tứ thì
Lưng đau chân nặng biếng đi xa đường
Phương nầy trọng như nghìn vàng
Chớ hề xem dễ tầm thường làm chi
THƯƠNG TRUẬT táo hỏa 燥, kiện tì
Khoan trung, phát hãn, sát li 魑 trừ tà
TRẦN BÌ bổ vị 胃 trung hòa
Lí khí 理氣 hành trệ 行滞, rức ra tiêu
đàm

Để lâu (數→數) TRẦN CỬU 陳久 sẽ làm
Cho dùng HỒNG QUẤT 紅橘 nhọc phiền tâm hung
Chọn HẬU PHÁC bắc mà ~~làm~~ dùng
Tính ôn, vị đắng, có công lạ dường
Bình ôn, ích tráng nguyên dương 元阳
Trừ thấp, tan kết, lại thường hòa trung
20b Vị đắng hạ/khí; khoái thông 快通 (腸
Tiêu bĩ 痞, lợi trường, khai hung 胸, khoan trường
CAM THẢO vị ngọt tính lương 良
Để sống thì lạnh, chích sang ôn hòa
Có tài vệ chính cải tà 衛正改邪
Dùng vào hay giữ; cất ra hay làm 拮
Danh xưng QUỐC LÃO 国老 đã cam
Nghe bằng NHAN 顏果, hiền phan TỬ PHÒNG
Dược binh ngụ bổ ngụ công 藥兵寓補寓攻
Tư nhân tư mệnh 斯人斯命 khéo dùng thì hay
THƯƠNG TRUẬT tám lạng cân đầy
Mễ cam 米泔 mà tẩm một ngày sẽ dùng (之)
HẬU PHÁC khử bì chế gừng
Cân lấy tám lạng TỀ THƯƠNG 齐蒼 cho tường
TRẦN BÌ thì tẩm mễ thang (米→米)
Lưu bạch mà làm tám lạng cân cho
CAM THẢO ba lạng cân nó
Khử cho sạch hết bì thô sẽ dùng
Thiết tp ~~chơi~~ rồi phơi ráo cẩn phong
Tán, rây, mỗi phục ba đồng ôn thang 蒸?
Hoặc làm thuốc sắc cũng nên
21a Thuốc phơi khô ráo phân làm mười/
Một chén là hai lát gừng
Ngày hai bận uống không lòng phục luôn?
速

Hết thì lại cắt lạc lần
Càng uống càng ích thuốc hơn toan gì
Xem chương gia giảm cứ lối 例
Hoặc ai ôn dịch tứ thời cũng thông *
Thương hàn, tăng nhiệt, thương phong
Nặng đầu chóng mặt sốt thăng 升 ho đàm
Đức đầu ngạt mũi thiên ban 千斑
Có cơn suyễn cấp có cơn lao phiền
Bản phương tán uống hằng liền
Nhân sâm bại độc gia chuyên bài này
Mười vị ta cắt cùng tay
TIỀN SÀI, KHƯƠNG ĐỘC 羌 獨 lấy đây chỉn lành
CHỈ XÁC CÁT CÁNH PHỤC LINH
XUYÊN KHUNG CAM THẢO NHÂN SÂM cho tường
Đong một bát nước làm thang
Cắt dùng ba lát sinh khương tiễn 煎 hòa
Hoặc gia mười lá Bạc hà
Nhiệt độc, nhiệt thịnh ta gia liên CẦM 芩
Khí nhiệt, KINH GIỚI, PHÒNG PHONG,
21b Ấy phương kinh phòng 荊防 bại độc chép tên 先
Trừ độc CĂN CÁT HOÀNG LIÊN
Bằng có sang độc SÂM liền khử ra
LIÊN KIỀU 連翹 cùng kim ngân hoa
Tùy cơ ứng biến mặc ta liệu dùng
Hoặc đi Sơn tây, Quảng Đông
Quảng Nam, Thuận hóa Đạc đồng phiên di
Tuyên quang Hưng hóa chư ti
Lí tì 理脾, khắp chướng mặc dầu tiễn thang
TRẦN BÌ khử bạch sao vàng
KHÔ LINH BI tử 梔 cũng rang cho giòn

*四时瘟治 (旨)

969 BÁN HẠ, KHƯƠNG chế phép còn
970 PHỤC LINH khử mộc 木 (?) bì ban 皮斑 sẽ dùng
SƠN TRA 山杳 khử hạch mặc lòng
Bảy cây, một vị một đồng cũng nên
THƯƠNG TRUẬT thì tẩm MỄ CAM 米泔
DIÊM THỦY 鹽水 thiếu hử ½ 許 lại rang sẽ làm
975 Tám phần THƯƠNG TRUẬT liệu toan
THẦN KHÚC 神麴 rang vàng cũng lấy tám phần
HOÀNG LIÊN, KHƯƠNG TRẤP hòa quân 的→匀
Rang qua lại lấy bảy phần cho nhiều
22a TIỀN HỒ cũng / lấy bấy nhiêu
980 CAM THẢO khử bì cắt vào năm phần
THỦY KHƯƠNG tiện 煎 phụa tảo thần 早晨
Một ngày một lần chướng ngược chớ sinh
Dẫn chi 支 Lược-tính Nội kinh 土元
THƯƠNG TRUẬT trừ thấp, bảo bình 保平 thổ nguyên
985 Thanh nhiệt, giải độc CẦM LIÊN 芩连
TRẦN BÌ, BÁN HẠ tiêu đàm tan di 散移
SƠN TRÀ 山查, THẦN KHÚC kiện tì 键脾
Ăn uống kiêng dè trăm bệnh chớ sinh
HÙNG HOÀNG 雄黄 là thái dương tinh 太阳精
990 Kiếm năm ba lượng phòng mình hôm mai
Tuyển hơn sáng đỏ tốt tươi
May túi mà đựng chớ dời một khi
Non xanh nghỉ dám dù đi
Hổ lang xà kiết 蝎→蠍 mãng 蟒 thì hãi kinh
995 Đám tà yêu quái chẳng lành
Ngửi 哎→哎 hơi có THÁI DƯƠNG TINH khét lừng
Gốc cây bụi khóm 樸 (cụm) nghỉ lưng
Hoặc cư bị phải NGÔ CÔNG 蜈蚣 độc xa

999 Rượu ngon một chén mà (壺) ra
226 [1000] Uống rồi thông-xả 痛处 cũng tra/hùng hoàng
Mùa hè hỏa vượng phương nam
Nhiệt thịnh lại vẫn thì toàn Tiểu sài
Cả tiết 泻泄 nhiệt khát chớ dời
Thì thử tìm đọi hợp cùng NGŨ LINH 五苓
100ff : 5 Mùa đông lạnh - lão chớ lành
Bất hoán ngũ tích 不换五积 Thập thần 十神 mà say
Xem trong cơ bệnh chẳng gở
Phỏng liều chừng ấy hợp ý phương nào
Cứ bài gia giảm làm sao
10 Nhức đầu BẠCH CHỈ 白芷 hợp liều XUYÊN KHUNG
Sưng tay sưng mặt sưng chân
NGÔ GIA, TANG BẠCH, ~~THANH~~ BÌ, MỘC HƯƠNG
MỘC QUA, NGƯU TẤT, TÂN LANG
Ngược khát 瘧渴 THẢO QUẢ, THƯỜNG SƠN, ~~CẦM~~, SÀI 苓柴
15 THANH BÌ, BẠCH TRUẬT, Ô MAI
Khởi TAM LĂNG 三棱 lại tìm đọi BỒNG NGA.
Hàn ngược BẠCH TRUẬT, SÂM, KÌ 芪
THƯỜNG SƠN, THẢO QUẢ, QUẾ BÌ, CAN KHƯƠNG
Dù hỏa 油和 tiết bổ 泄補 ghe phương
20 Cơn ói 痰 chưa dứt, nó thường phát lên
Luận cho bộc bạch mà làm
23a Nước vàng / Khí huyết với đàm giao tranh 淨→爭
Bởi ấy tích ở lạc kinh 络经
Chớ ăn dương động để dành làm cơn
25 Phương nầy rượu chế THƯỜNG SƠN
Ba đồng cân hơm THẢO QUẢ bình phân
THẢO QUẢ ~~lấy~~ bì lấy nhân
28 TÂN LANG phỏng liệu lại cân ba đồng

[illegible]

THANH BÌ khử nhượng* sẽ dùng
TRẦN BÌ lưu bạch hợp cùng tay nhau
Ba đồng một vị cũng mầu
CAM THẢO bì khử cất sau hai đồng
HẬU PHÁC khử bì; CHẾ KHƯƠNG
Lại thiết hai đồng chẳng khá làm hơn.
Lại gia bối đồng ĐẠI HOÀNG
Lấy làm ~~phò~~ tá sứ mở đường cửu quan
Làm rồi chén thuốc cho yên
Một bát ~~đầy~~ nước cả mà tiên 煎 chớ chầy
Rượu ngon chén nhỏ cho đầy
Điều thuốc mà sắc một giây ban chiều
Nắng xem cho kẻ cạn nhiều
Bên phần còn bẩy phỏng liều cất ra.
23b Đêm trường lộ khí / sương sa
Sáng ngày giờ 痰 nó đã dính 盈 cổn → 厚? dầy?
Gan trong cách hỏa ổn ổn
Phòng cho uống đón trước còn một giờ
Dù mặc thổ tả chớ lo
Khí tích trục hạ làm cho sạch đàm
Hoặc là chẳng cất [illegible] đã (đỡ?) còn
Bữa ăn chớ muốn cơm ngon ít nhiều
Kinh nghiệm đối KIM một liều
Hoặc tiễn, hoặc tán, một điều liền an
Chẳng còn truyền biến đa đoan
Trong ngoài gia giảm thì xem các bài

穰: bông (lúa), thịnh

X. THẬP THẦN 十神

Thập thần thang ở thứ mười
Chữa chứng ôn, dịch linh trái 天 tai ương
Từ thì hỗn tạp âm dương
Mùa xuân hoà khí có đường hàn phong
Mùa hè lại biết sốt nồng
Cớ sao lại có phục âm 伏 阳 lạ dường
Thu thiếu mát mẻ gió dương
Hoặc khi chỗ thường mộc vũ 沐雨 xâm dâm
24a Mùa đông giá lạnh thủy / trầm
Khiến dương 驚陽 thấy khí hâm hâm lỗi kỳ
Dân nghe khó biết hoà dè
Lão thiếu cảm thì, bệnh cùng một ban 7/3
Nặng đầu sốt rét làm cơn / dừng
Nhức xương nhức thịt buồn muôn chỗ
Đau đầu đau cổ đau lưng
Và thịt nóng nồng le, ráo mồ hôi
Áo chăn đắp chỗ khi rồi
Nước uống hằng đợi hãy một khát khao
Trong ngoài hai cảm chẳng điều
Âm dương chẳng tỏ chứng màu chưa phân
Thì ta cũng luận THẬP THẦN
MA HOÀNG khử hết phong cần ba đồng
Hương phụ sao thục sẽ dùng
TÔ DIỆP BẠCH CHỈ XUYÊN KHUNG TRẦN BÌ
CÁT CĂN XÍCH THƯỢC THĂNG MA
Các vị một vị thiết tự cho ba đồng
Khử bì CAM THẢO mới dùng
Cát phòng hai đồng chỗ lọ là cần

KHƯƠNG SONG 葱 TÁO hợp hoà quân 和匀
Một bát nước sắc ba phần cạn trong
24b chẳng/ nề no đói cong 空→宫 lòng
Phủ cái ấm ấm khí thông ra ngoài
Đắp áo 澳 cho ra mồ hôi
Ta khử theo đời phát hạn liền thanh
ngon cơm, sảng khí, mát mình
Điều dưỡng cho lành chớ khá lao lung
Bồi gia xem xét cho thông
Triều nhiệt gia thạch môn đông HOÀNG CẦM
Nhức đầu THẠCH CAO XUYÊN KHUNG
TẾ TÂN CẢO BẢN đều cùng cắt ra
Họ đờm NGŨ VỊ lại gia
Khử lô 芦 CÁT CÁNH thì ta gia vào
Thổ nghịch 逆 đam khí chớ hầu
Đinh hương NHỤC QUẢ gia vào lại yên
Bữa ăn cơm cháo thấy ngon
SA NHÂN BẠCH TRUẬT phép còn khá nên
Nương long đầy tức nhọc phiền
CHỈ XÁC BÁN HẠ phục liền khoan hầu
Máu mũi ra đỏ bằng đào
Ô MAI khử hạch / hổng giao ba đồng
MẦU CĂN rửa sạch sẽ dùng
25a Lại lấy ba đồng cho / tày Ô mai
Dạ đầy đau chói đòi thôi
Quân khương 军 BẠCH TRUẬT tìm đời cho no
Lạnh đau sôi dạ ù ù
BẠCH TRUẬT DIÊN HỒ 延胡 hợp cùng QUÂN KHƯƠNG
Dạ đầy bĩ ráo chẳng yên 痞燥
Đại tiện bế đập 闭涩 ĐẠI HOÀNG PHÁC TIÊU
朴石消

1113 XÍCH BẠCH đái hạ 帶 T. chứng nghèo
ĐƯƠNG QUI CHỈ XÁC hợp đều HOÀNG LIÊN
1115 Tả tiết 瀉泄 ĐẬU KHẤU HOẮC HƯƠNG
Lạnh khí, hư đàm, QUAN QUẾ NHÂN SÂM
Cũng nên gia BẠCH PHỤC LINH 白茯苓
Cứ bài gia giảm cho mình sẽ làm
Muốn ơn đạo thánh khỏi phàm
1120 Đừng lòng lập chí mà làm ty cho nên

XI Ô DƯỢC 烏藥

Ô dược thuận khí con truyền
Ở thứ mười một chép biên tổ tường
Tính hay thuận khí tiêu đàm
Sơ phong [illegible], tán uất, mở đường lạc kinh
Tả hữu thân hoản tay chân
Khắp âm tê nặng, lạnh thấm đau ran
25b Thịt da tao dạng 瘙痒 / kết hoàn 結丸
Dạ lòng đầy tức, hung 胸 phiền, phúc 腹 mình
Đàn bà mau chứng điều kinh [illegible]
Huyết khí ngưng trệ chứng thành yêu hoà
Hoặc là nam nữ trẻ già
Phong cùng khí trệ thì ta dùng luôn
Ô DƯỢC dùng hai đồng cân
TRẦN BÌ phòng gần hai đồng cũng nên
MAHOANG khử tiết cho yên
CHỈ XÁC CÁT CÁNH cùng liền 芎 XUYÊN KHUNG
BẠCH CHỈ khử hết trùng 蟲 虫
Một vị một đồng liều làm cho hẳn
Sao vàng năm phân KHƯƠNG TÀM
CÀN KHƯƠNG bào chế cũng làm năm phân
Chích vàng CAMTHẢO ba phân
Lạc điều KHƯƠNG TÁO thủy quân 水匀 tiến hòa
Tùy phương ta liệu bớt gia
Tự hãn 自汗, đạo hãn 盗汗 thì gia HOÀNG KÌ
MAHOÀNG thì khử tiết đi ⌈ trường
Hoặc có triều nhiệt 朝熱 hoả di 遺 tiết-
Xét tìm thì khử CAN KHƯƠNG
Thân thầy đông thống 疼痛 chứng thường sớm
khuya

Tao dạng 搔痒 ngược

NHỤ HƯƠNG CÁT CÁNH THÂN QUI
Huyết hư phát nhiệt đau về ban đêm
Liền gia HỔ CỐT MỘC HƯƠNG
Hổ cốt tô thấp 酥湿 nóng rang mà nghiền
Mỗi phục cho hai đồng tiền
Đau lưng ĐỖ TRỌNG 杜仲 Hồi hương hợp cùng
Nhức đầu KINH GIỚI XUYÊN KHUNG
Nặng chân, tê yếu, ĐẬU KHƯƠNG GIA BÌ 加皮
Hoặc là nó rét chớ đi
KHƯƠNG phòng 羌防 đoạn tục hợp thì cùng cho
Đau bởi phong khí chẳng lo
Phòng phong, Kinh giới lại cho BẠC HÀ
CẨU TÍCH 狗脊 THẠCH HỘC 石斛 MỘC QUA
Thấp khí THƯƠNG TRUẬT đi cùng hoà TAN LANG
Tứ chi phù trũng KỈ TRANG 杞長
NGƯU TẤT KHƯƠNG ĐỘC 独 cùng chàng 橦 NGŨ GIA
Chân tay mình mẩy cùng tê
ĐẠI PHỤ 大附 bào 炮 chín khử tê 臍 khử da
XUYÊN KHUNG QUAN QUẾ hợp gia
Tả hoán hữu than THIÊN MA phép thường
ÍCH MẪU MA HOÀNG nước thang
TẬT LÊ 蒺藜 tẩm/rượu sao vàng cùng qui
Tính xước tinh bệnh tương suy
Liệu lường gia giảm vậy thì kẻo lo
Tuy rằng mệnh cả thiên cơ
Kinh quyền cũng có ở ta ở trời

XII NGŨ TÍCH 五積

Chương này chép thứ mười hai
Sinh liều NGŨ TÍCH 生料五积 này bài tán ôn
Tích hàn, tích thấp, tích đàm
Tích khí, tích huyết đều làm cả năm (4/)
Chứng HÀN, thân thể lạnh trầm 沉
Ăn của sống lạnh, đau âm cong I lòng
Chứng THẤP, chân tay nặng sưng
Bởi nằm đất cát lẫn xông giang hồ
Có người vì nước vì vua 帝司
Dặm nghìn chải (點) gió dầm mưa xa gần
Phàm vì thê tử, song thân
Nông tang cày cấy ân cần hôm mai
Cho nên thấp khí trong ngoài
Biến sinh đàm chứng khôn nài biết hay
Da sưng, thịt nặng, dạ đầy
27/a Đàm ho/ thân thể chân tay nặng nề
Hoặc người tọa ngọa cửu thụy 久睡
Cho nên trệ khí hoãn trì vào trong
Phụ nhân kinh nguyệt chẳng thông
Nam nữ hàn thấp ám 黯 cùng lạc kinh 络经
Cũng dùng NGŨ TÍCH phương lành
NHÂN SÂM BẠCH TRUẬT PHỤC LINH cho tường
CHỈ XÁC XÍCH THƯỢC MA HOÀNG
CAN KHƯƠNG CÁT NGẠNH ĐỖ KHƯƠNG TRẦN BÌ
BẠCH CHỈ THƯƠNG TRUẬT PHÁC QUI
BÁN HẠ QUẾ BÌ CAM THẢO bình phân
nước ♦ dùng lấy một chung
Cất nấm thiết tp gừng một chén rượu ngon

Lại gia SONG BẠCH 葱白 tiền 煎 ôn
Khử tế 去滓 nhi phục Ah kẻo còn lệ chi
Hoặc nó phù trủng tứ chi
Làm ngũ gia bì hợp cùng ĐỘC KHƯƠNG
PHÒNG phong PHÒNG KỈ cũng làm
Đau lưng đau cổ XẠ HƯƠNG cùng HỒI
Tiểu trường sán khí 疝气 đòi thôi
MỘC HƯƠNG cùng HỒI hợp NGÔ THÙ DU
Chân tay ra tật / loan câu 拳拘 [illegible]
MỘC QUA NGƯU TẤT GIA BÌ TAN LANG
Ho đàm NGŨ VỊ BẠCH TANG
HẠNH NHÂN BỐI MẪU cũng làm ĐÂU LINH 兜鈴
Đau mình khắp cả biến thân 遍身
NHŨ HƯƠNG NGẢI ZƯỚC 炙 → 艾 ? TẾ TÂN QUẾ BÌ
Lão nhân đau nhức tứ chi
Ô zược 烏 thuận khí hợp thì bản phương
Tứ chi phong thấp trệ thường
Ô zược thuận khí hợp chuyên phương này

XIII TỨ QUÂN TỬ 四君子

Mười ba lại chép kể bày
Dùng TỨ QUÂN TỬ thang nầy đạm cau
Chữa người lão thiếu nữ nam
Hay điều ngoại cảm hay làm nội thương
Khí hư ở trước trăm phương
Tì vị hư nhược chẳng thường bữa ngon
Xanh xao yếu đuối gầy mòn
Phế hư khao khát sớm hôm thở dài
Bì phu triều nhiệt vãng lai 朝
Vinh 榮衛枯 澁 chớ tươi hoà mịn
Khử bì một lạng PHỤC LINH
28a BẠCH TRUẬT một lạng, NHÂN SÂM ba đồng
Khử bì CAM THẢO hoà dùng
Lại phòng ba đồng CAM THẢO tiễn 煎 thang
Lúc thôi khử tể 滓 phục ôn
Ngày ba lần uống chớ còn có lo
Hoặc người phì bạch khí hư
Thường thường thúng thắng [illegible] tiếng ho có đàm
NHỊ TRẦN hợp với hoà làm
TRẦN BÌ khử bạch, HẠ tầm KHƯƠNG sao
Ẩu thổ 嘔 ọt ăn chớ có đều
HOẮC HƯƠNG, HƯƠNG PHỤ gia liều SA NHÂN
Tâm phiền VIỄN CHÍ TÁO NHÂN
CHU SA, LIÊN NHỤC, PHỤC THẦN cũng gieo
MẠCH MÔN TRÚC NHỰ 竹茹 tiễn 煎 đều
Biểu nhu đàm chứng gió nghèo làm sao
Dù là kinh giản 驚癇 cũng tiêu
TOÀN HẠT 全蝎 BẠCH PHỤ hợp vào TẾ TÂN

Khẩu khát, QUA LŨ 瓜蔞 CÁT CĂN
Ô MAI dùng thịt bổ nhân chớ làm
Tì hư ăn uống chẳng ngon
MẠCH NHA THẦN KHÚC 神麴 cũng làm SA NHÂN
28b Đoản khí / bội gia NHÂN SÂM
HOÀNG KÌ mật chích, QUI THÂN, SÀI HỒ
TRẦN BÌ cũng có hợp cho
THĂNG MA thiểu hứa 少許 (nhiều ít) kẻo lo nhọc. nhẫn
Vãng lai hàn nhiệt đôi lần
SÀI HỒ, BÁN HẠ, HOÀNG CẦM lại gia
Bằng người huyết khí cầu hư
Hợp cùng TỨ VẬT hiệu là BÁT TRÂN 八珍
Lãnh tả 冷瀉 phúc thống gian truân
A-TỬ 訶, ĐẬU KHẤU, lại luận CAN KHƯƠNG
TRẦN BÌ liêu bạch, MỘC HƯƠNG
Ngược 瘧 gia THẢO QUẢ THƯỜNG SƠN TRẦN BÌ
HẬU PHÁC TÂN LANG THANH BÌ
THƯỜNG SƠN tửu chế tức thì mới nên
Hoặc có khí khối chẳng yên
TAM LĂNG, BỒNG TRUẬT xa toàn điều hoà
Quán thông được bệnh bớt gia
Hư hàn NHỤC QUẾ cùng là CAN KHƯƠNG
Bài này luận ít chưa tường
Gia giảm qui liệu các phương mà dùng
~~Xem cho biết ý bổ công~~
Mùi:

(Kết)

1 273 ~~Bài nầy luận ít chưa tường~~
Gia giảm qui kếu(?) các phương mà dùng
274 Xem cho biết ý bổ công
29a Mười ba phương ấy nọ trong / để ngoài
275 Bệnh có tiêu bản 標本 mạt cai 末荄
Trị có sau trước xem người lập phương
Giàu sang sắc dục cao lương 膏粱
278 Ngoại cảm thì ít, nội thương thì nhiều
Hễ người bần tiện bao nhiêu
280 Dầu sương dại nắng phiền lao nhục bì
Dạ lòng tích những hoặc lề
Nội thương thì ít, nhiều bề ngoại thương
Bằng vì, nam, nữ, quả phòng
Nhẫn lòng, ẩn chí, âm dương u-từ
285 Lão nhân huyết thịnh khí hư
Điều như âm thiếu khí phù thịnh dương
Cho hay mở lưới tìm gương (giềng)
Hư bổ, thật dẫ, chứng làm tư phân
Lại tường nhược nhân, tráng nhân 標
290 Nhược thì bổ bản, tráng luận công tiêu 攻
Dạnh phương hoặc dụng bài nào
Vị ít, vị nhiều 其? đã có sai phân
Vị nhiều chủ bệnh làm QUÂN 君
Vị ít làm THẦN 臣, ít nữa SỨ thông 使
295 Có bài cho nói lang, đồng 兩/間
296 Đến khi / hiệu lọt 料待 biến thông ở người
Mặc ai tiềm ngoạn 潛玩 xem chơi
298 Ấy cũng chưa đổi chẩng nịch 溺, phù điên
拯 溺 扶顛

Trang nầy bị khoác lại (cả bài bị khoác lại) cho nên có chữ "thoán" [illegible]

1299 Sĩ nay hoác lac tài nhền
300 Thuật trong thượng cổ tiền hiền chép chơi
Dám khuyên y học hậu lai
1302 Để sinh tích thiện phúc trời hậu ta.

Cuối có 介字福好

Có lẽ người khác ghi tên chăng? 余字福好?

[THƯƠNG HÀN — Tựa]

Kính cẩn đề tựa sách thuốc TUỆ TĨNH khắc lại

Sách KINH là cỗi nguồn để THỌ THẾ, theo dùng để HỒI XUÂN. THẦN NÔNG và HOÀNG ĐẾ xét cây cỏ mà thử biết giống chua, giống mặn. BIỂN THƯỚC HOA ĐÀ cứu phủ tạng mà hiểu rộng mạch kinh, mạch lạc. Nghĩ những ý làm thuận khí chảy đàm, đặt những phương làm ~~rửa~~ sạch lòng, thay đổi xương. Ra công lớn cứu đời, chế thuốc chữa hay toàn vẹn. Làm lợi to muôn người, viết sách dạy cho đời sau. Thông thạo diệu huyền, hồi truyền đã xa. Đến như thầy già thiền sư TUỆ TĨNH, lỗi lạc ở Pháp môn, cao kì trong Y-giới. Từng nghe những bài hay còn trong Y-viện, mà thành tâm tôn thầy là Bụt tổ sư. Đã đem mình vào đạo sắc không, ở nơi thờm tho thanh tịnh, mà trừ nguy chữa bệnh khiến người đang ốm trở lại xuân tươi.
Vì đạo thì theo Thiên trúc, mà ra đức như người Nam tính. Xét những phương thuốc có ngọt có nhạt mà làm thông 27 khí, soạn sách đề cương về dược tính chữa làm 36 ~~cách~~ bài thuốc để đàn áp tất cả những bệnh hoạn và để lưu lại ý chỉ sâu xa không để biết

THƯƠNG HÀN CÁCH PHÁP TRỊ LỆ MỤC LỤC

Thượng cổ Lão Thiện HOẰNG ~~Tế~~ 弘散 xuỷ

VÕ TRẠCH 无擇 TUỆ TĨNH soạn tập

~~Bắt đầu~~ Bỏ dùng 37 phương thuốc, rồi chú thích 37 phép chế.

1. Thang Thăng ma phát biểu 升麻发表湯
2. Thg Sơ tà thực biểu 踈邪实表 „
3. Thg Khương hoạt xung hòa 羌活冲和 „
4. Thg Lục Thần thông giải 六神通解 „
5. Thg Sài cát giải cơ 柴葛解肌 „
6. Uống Sài hồ song giải 柴胡双解飲

Chú thích. Thương hàn là độc là vì cái khí nó trở thành giết hại người ta. Trúng nó mà mang bệnh lập tức thì gọi là THƯƠNG HÀN. Nếu không nhiễm bệnh lập tức thì khí lạnh ẩn dưới da. Rồi đến mùa Xuân thì biến ra bệnh ấm, mùa hè thì biến ra ~~sốt~~ bệnh nắng. Bệnh nóng nặng hơn bệnh ấm. Khi nghe bệnh phát, thì phải chữa khác nhau, chớ lầm lẫn.

Khi mới trúng thương hàn thì nó ắt

4a

THƯƠNG HÀN CÁCH PHÁP TRỊ LỆ
(Quyển hạ)

Thượng cổ Lão Thiện Hoàng-xướng Võ trạch
Thọ Tinh soạn tập
Bỉ dùng 37 bài và chú 37 phép

Mở đầu

Tất thất 卄七 phương dùng càng mầu nhiệm
Sát xa chùy 殺車搥 thần nghiệm cao yếu
Thương hàn điều lệ khoách [illegible] nhiều
Phép làm [illegible] nghiệm cầm, người đều khôn hay
Kìa ai phải một hai ngày
Bất khát tư lợi chảy ngay rành rành
Chẳng đức đầu, chẳng nóng mình
Tay thường lấy áo đã đành đắp qua
Ấy là trực trúng hàn tà 直中寒邪
Nên chân hàn chứng thật đà phân minh
Hoặc đau lâu đã quá kinh 過經
Hãy còn sốt rét nóng mình cùng lưng
Đức đầu chóng mặt thưng thắng
Ráo khô, lỗ mũi, chẳng từng ~~ngồi~~ yên nằm
Ấy còn biểu chứng THƯƠNG HÀN
4b Chẳ nề nhiệt số, hướng toan kể ngay
Hợp xem đôi mạch cùng tay
Định nên KHẨN, HOÃN, biết hay PHÙ TRẦM
Lại xem bệnh chứng thiển thâm
Biểu lí hạn hạ 汗下 dùng làm phải phương
(nói có 10 hàng Hán văn theo chữ)

chú (5b) Hai vạn 9 dòng.

thang này cũng gọi là thang MA HOÀNG; tục có gia giảm. Tháng ở mùa đông, bệnh chính thương hàn: đau đầu, phát nóng, rét dữ, xương sống cứng, mạch phù và chóng, không mồ hôi. Ấy là Thái dương bàng quang kinh thụ tà 太陽膀胱經受邪. Đầu đau như búa bửa, thân nóng như cháy. Nên dùng thang này

麻黄	桂枝	甘草	杏仁
升麻	川芎	防風	白芷
羌活	phần bằng nhau		

Lấy 2 bát nước, 3 lát gừng. Phép chế: thêm 2 thìa 膠節 - Sắc lên, uống hâm hẩm

Bệnh này mà rét lắm, đau đầu, kg mồ hôi mà suyễn thì dùng bài này mà thêm 葛根 và bỏ 麻黄.

5a **1. Thăng ma Phát biểu thang 升麻发表**

Thứ nhất thang THĂNG MA PHÁT BIỂU
Chủ THƯƠNG HÀN phép bảo rằng vầy:
Ba đông lạnh lẽo rét thay
Xông sương đội giá đang tay việc vàn
Đêm ngày khó nhọc đám ~~[illegible]~~ vàn
Sức khôn chịu được phong hàn sở thương
Phải liền đau đớn ghê dường
Nhức đầu như bửa, đau lưng như gò 孤
Đến khi cơn rét nằm co
Mồ hôi chẳng có, ráo khô như lò? 爐
Xh mạch phù, khẩn lai tham 来參
~~[illegible]~~ Sở tà 辣邪 phát biểu khá làm khai thông
QUẾ CHI, MA HOÀNG, PHÒNG PHONG
KHƯƠNG HOẠT BẠCH CHỈ XUYÊN KHUNG đẳng phân
THĂNG MA CAM THẢO HẠNH NHÂN
5b Trước sau / chín vị cùng phân cho tày
Đong hai bát nước vừa đầy
KHƯƠNG tam TÁO nhị theo nầy sắc qua
Chứng pháp giao chỉ 膠[illegible] lại gia
Ôn ồn phục đã vậy hòa liền yên
Bản kinh 本經 bệnh thể suyễn liền
MA HOÀNG khử, lấy (去) CÁT CĂN gia vào
Biết mạch biết chứng trước sau
Dùng rày ắt hiệu 效, thật sao nhiều là.

chứ Hàn văn (6B) 11 dòng)

Sở tà thất biểu cũng tức là thang Quế chi cổ tử gia giảm. Trị chứng Thương phong về tháng đông: đau đầu, phát nhiệt, bị gió ác, xương sống cứng, mạch phù chậm, tự chảy mồ hôi. Ấy là bởi THÁI DƯƠNG KINH chịu tà. Nên dùng thuốc tán Thực biểu Nếu không mồ hôi thì không thể dùng

桂枝 芍藥 甘草 防風
川芎 羌活 đều đồng phân

Dùng 2 chén (chung) nước, 3 lát gừng, 2 quả táo, nấu cho còn một chung. Phép chế là gia 5 thìa hành trắng 葱白 rồi sắc cho sôi 3 lần rồi uống ấm ấm.
Như mồ hôi không dừng thì gia 黃芪
Nếu suyễn thì gia 柴胡, 杏仁
Nếu trong bụng buồn bực thì gia 枳殼 桔梗, 黃芪 tức là thang XUNG HÒA 沖和
Nếu cũng không khỏi thì dùng thang 小柴胡 Tiểu Sài hồ, gia hai vị 桂枝 và 芍藥

2. Sơ Tà Thất Biểu 疎邪實表

Khi hai tháng Sơ Tà thất biểu
Chữa Thương ~~phong~~ phép bảo rằng hay
Trời đông giá rét hơi may
Gội mưa chải gió đang tay làm dùng
Đêm ngày khó nhọc đốt xung
Sức khôn chịu được cảm phong thương hàn
Phải liền đau đớn thiên ban
Nóng mình sốt rét chẳng an cong lòng
Nhức đầu, dây gió, sởn dùng 同
Đau lưng lưỡng những đòng đòng mồ hôi
Thấy mạch phù hoãn thường lai
Đích Thương phong chứng chẳng sai đâu là
Hợp dùng Thất biểu sơ tà
6b Tự nhiên biểu giải, lí hoà nên công
QUẾ CHI THƯỢC DƯỢC XUYÊN KHUNG
CAM THẢO KHƯƠNG HOẠT PHÒNG PHONG dùng đầy
Đong hai chén nước cho đầy
Gừng ~~hai~~ Táo hai, thuở nấy sắc qua
Chứng phát Song Bạch 葱白 lại gia
Cái tiền tam phát, ôn hoà phục chi
Hẩu bất chỉ, gia Hoàng Kì
Thấy có suyễn chứng ba thì mửa lo
Thêm gia HẠNH NHÂN SÀI HỒ
Hung trung bão muộn dường no tức buồn
Chỉ xác Cát cánh thêm tuôn [illegible].
HOÀNG KÌ mặt chất gia dồn khá nên
Dư hoả thấy bệnh chưa yên
Sài hồ thang tễ lại toan kíp thì
Gia 白芍藥 Bạch Thược dược, QUẾ CHI
Phục thôi Thất biểu vừa khi sơ tà

chú thích Hải văn: 8b, 25 dòng

Thang này trị cảm mạo bao hàm trong ba mùa, đau đầu. Bệnh kinh Thái dương; không mồ hôi:

川芎 白芷 羌活 防風 蒼术 黄芪
細辛 甘草 生地黄. các vị đều phân

9a Dùng 2 chung nước, 3 miếng gừng, 2 củ hành trắng. Phép chế gia một đoạn đậu hủ, sắc, uống ấm để có mồ hôi thì rất nghiệm. Nên lấy vải dày úp vào đầu (mà xông?) Nếu trúng nghiệm thì dừng, đừng phục thuốc nhiều (89-92). Nếu uống nhiều thì có thể phát thêm bệnh khác

Thang này chuyên trị chứng bao hàm trong ba mùa. Xuân thì trị ôn; Hè thì trị nhiệt; Thu thì trị thấp. Trị những bệnh thương cũng hay lắm.

Cái bí mật của phương này là phép gia-giảm: Như trong bụng có mang buồn thì khử 生地黄, gia 枳壳, 桔梗.

Mùa hè thì dùng phương này gia 石膏, 知母. Bài ấy gọi là thang THẦN MỘC 神术. Như sau khi uống không chảy mồ hôi thì thêm lá 紫蘇

Nếu suyễn 喘→喘 mà sợ rét thì gia 杏仁 khử 地黄. Sau khi có không khỏi thì nên dùng lại thang này cho ra mồ hôi nữa, rồi kiêm

9b dùng 大黄, và 明釜底 (2) (100-106)

Phép TRỪU TÂN 抽新 là chữa cảm mạo trong ba mùa mà không đúng tiết; bệnh cũng là thương hàn: đau đầu, sợ rét, thân nóng, mạch phù, mồ hôi chảy. Như vậy nên dùng bài THỰC BIỂU (số 2) bỏ 苍术 gia 白术 (108-112)

7a 3. Khương hoạt Xung hoà 羌活冲和 /3

Thuỷ ba thang Xung hoà Khương hoạt
Chữa Xuân Hạ Thu tiết phải đau
7b Bao đông / xông đốt bấy lâu
Khí nhiều sức mạnh chẳng âu việc vẫn
Sang xuân phát bệnh chẳng yên
Bởi xưa mạo thuở đông thiên 冬天 phong hàn
Nhức đầu rét cực thiên bàn
Mồ hôi chẳng có hợp toan mà dùng
Cam thảo Khương hoạt phòng phong
Tế tân Bạch chỉ Xuyên khung Hoàng cầm
Thương truật Sinh địa khá làm
Song nhất, thuỷ nhị, khương tam hoà cùng
Chủ phép nạp thị 豉 cho thông
Có Văn, Vũ, Hoả, hợp dùng đồng tiễn 煎.
Ôn phục thủ hãn 取汗 hưu thân 劾
Bị hậu phúc thủ 被厚覆首 đảm thân 潭身 thấy hiều
Bệnh đã đỡ, chẳng khá phục nhiều
Phân gia biệt bệnh có đều bảo ra
Xuân ôn, hạ nhiệt, thu hoà
Đều cùng khá trị, thật là hiệu xấp thay
Hung trung bão muộn 胸中飽悶 tức đầy
Hợp gia Cát cánh khi nay Địa Hoàng
Hạ nguyệt dùng bản có phương
8a Thạch cao Tri mẫu tạ thường khá / cho
Bất hãn dùng lá Tử tô
Nóng mình, sái rét o-o nhưng 號乚
Khử Địa Hoàng gia Hạnh nhân
Hàn hậu bất giải có phần gian-nan

chứ (nói):

Nếu mồ hôi không dừng thì gia 黄芪 (114)

Nếu phát nhiệt, sợ rét, thân đau thì dùng phương này gia 苍术, 芍药, bỏ 杏仁. (115-124)

Nếu mình "gấp" (?), mặt đỏ, ấy vì không tiểu tiện được, thì khử 白芷 gia 杏仁, 升麻, 柴胡, 芍药 (118-120)

Nếu cảm hàn nặng và quai thì uống thang này nếu không ra mồ hôi thì uống lại hai ba tễ. Nếu mồ hôi cũng không ra thì chết (trái với 126).

Nếu chảy mồ hôi cũng không khỏi, thì nên uống trở lại, tùy theo nặng nhẹ mà uống nhiều ít, sao cho đúng là hay.

Bệnh còn dường cũ chưa yên
Hợp cho tái phục thật nên thuốc lành
Dù muốn hãn hạ kiêm hành 汗下兼行
Gia Đại hoàng vị(?) 未 cùng Minh phẻ 明釜 rày
Ổn ổn phục được 持 → 特 đang tay
TRỪU TÂN pháp 抽薪 bảo chớ thay thiên vàn
Dù thấy phi thời thương hàn
Mạch phù, tự hãn, cấp toan dùng liền
Khử lấy Thương truật chớ y cũ 礼
Đổi lấy Bạch truật gia vào khá nên
Hư hãn bất chỉ 不止 càng phiền
Hoàng kì mật chích khá nên gia vào
Nóng mình sốt rét thêm đau
Thương truật Thược dược hợp câu cho yên
Vậy liền khử xế lấy 礼 Hạnh nhân
Phần cấp, diện xích, bởi phần gian nan
Bởi chưng chẳng lợi tiểu tiện 小便
8b Thăng ma Song/bạch Hạnh nhân khử trừ
Sài hồ Thược dược lại đa
Lọc thôi phục đã, bằng sơ 初 chớ hiểu
Cần hãn kiên trọng khôn sao!
Phục thang Bất hãn 不汗 chước nào khá lo
Tái tam tễ 劑 lại phục cho
Dù bất tác hãn khôn lo chứng nghèo
Lường đợi nặng nhẹ ít nhiều
Y phương gia giảm thấy hiệu qua ưa.

4. Chư Hải vân (10a)

Thang Lục thần thông giải trị bệnh thương hàn mắc vào tháng 3; gọi là "Phát chẩm": đầu đau, thân nóng, sợ rét. Mạch hồng sổ trước hết, dùng thang ~~T~~XUNG HOÀ 冲和 (3)

Nếu không khỏi thì uống thang này:

黄芪 甘草 黄芩 石膏 活石

苍术 川芎 羌活 细辛 麻黄

lớ cuối chữ 一本自 (?) 之

Dùng nước 2 chung (chén), 3 lát gừng

Phép chế: một nhánh (?) Thu 豉, 3 củ 葱 (hành) Sắc lên, uống nóng cho chảy mồ hôi. Nếu trúng bệnh thì khỏi ngay

4. LỤC THẦN THÔNG GIẢI 六神通解

Thử tụ Thang LỤC THẦN THÔNG GIẢI
Chủ vẫn phát tiết phải tháng ba
Đức đầu sốt rét đấy là
Mạch lai hồng sổ 脈來洪数, xung hoà phục sở (初)
chưa xứng*; THÔNG GIẢI lại gia
LINH, KỈ, CAM THẢO cũng là XUYÊN KHUNG
THẠCH CAO, HOẠT THẠCH lại dùng
KHƯƠNG HOẠT THƯƠNG TRUẬT miễn cùng TẾ TÂN
KHƯƠNG THỦY tiễn chí bán phân 煎至半分
Chung nhập SONG 葱 THỊ 豉 bội phần hiệu thay
Nhiệt phục 服 thủ hãn 取汗 đang tay
Trúng bấy tức chỉ lợi, hiệu thay lạ đường

*秋. chưa hợp

v. chủ bệ̃ Hải vân (11ª 10 dòng)

Thang Sài cát giải cơ tức là thang Cát căn tử có phép gia-giảm, trị chứng của kinh Túc dương minh vị 足陽明胃經: mắt đau, mũi khô, không ngủ, mà đầu đau, đau chung quanh mắt. Mạch vi hồng:

葛根 甘草 黃芩 羌活 白芷

桔梗 柴胡

Dùng 2 chung nước, một quả táo.

Phép chế dùng một đồng 石膏 gia vào mà sắc, uống ~~nhai~~

Nếu không mồ hôi, rất sợ rét thì khử 黃芩 gia 麻黃. Về mùa đông thì nên gia nhiều; về mùa xuân thì gia ít. Mùa hè và mùa thu bỏ mới gia ~~trên~~ và gia lá 紫蘇

Nếu có mồ hôi và khát thì chữa theo thang NHƯ THẦN BẠCH HỔ 如神白虎

10b) V SÀI CÁT GIẢI CƠ 柴葛解肌 T

Thứ năm Thang GIẢI CƠ SÀI CÁT
Túc dương minh 足阳明 vị nhiệt 胃 truyền kinh
Chóng đầu, con mắt nhức quanh
Ráo môi, chẳng ngủ nhiều hành buồn xong
Dù thấy mạch lại vi hồng 微洪
Đợi mùa gia giảm hợp dùng khá cho
葛根, 甘草, 柴胡 Cát căn cam thảo, Sài hồ
KHƯƠNG HOẠT, BẠCH CHỈ dùng no đến liều
HOÀNG CẦM CÁT CÁNH cũng theo
Trước sau bảy vị ít nhiều bằng nhau
KHƯƠNG, TÁO, THỦY tiễn ngao ngao 熬
Chứng/pháp gia nhuyễn 加軟 THẠCH CAO một đồng
Bản kinh phải ~~buổi~~ thuở mùa đông
Mồ hôi chẳng có rét dùng 用 khôn đang
Khử HOÀNG CẦM (芩→苓) gia 麻黄, MA HOÀNG
11a Xuân ôn/hợp cũng thiếu thiếu gia chi 加之
Hạ, Thu tình khử bất nghi 並去不宜
Ba lại cũng thì gia lá TÍA TÔ 細蘇
Mồ hôi khát nước chứng lo
Như thân Bạch hổ mặc dầu khá 台

VI chữ Hai vấn (126 23 dòng)

Sài hồ song giải ẩm tức là thang 小柴胡 tự có gia giảm trị chứng TỨC THIẾU DƯƠNG ĐẢM KINH 足少阳胆经 chịu tà. Chứng ấy thì tai điếc, ngực đau nghe nóng lạnh mà mửa. Miệng đắng, lưỡi khô; Mạch thì huyền số. thuộc loại nửa biểu nửa lí. Nên hoà giải. Ấy vì ĐẢM không xuất nhập. Có ba điều

13θ kiêng. Chớ có làm chảy mồ hôi. Chỉ có một thang, tuỳ bệnh mà gia giảm

柴胡　黄芩　半夏　甘草　人参

陈皮　芍药

Dùng 2 ~~thìa~~ chung nước, 3 miếng gừng, 2 quả táo

Chưng phaj: cho 3 thìa nước 生艾; sắc lên uống ấm

- Nếu tiểu tiện không lợi thì gia 茯苓
- Mửa thì gia nước GỪNG, TRÚC NHÀ 姜汁, 竹茹 (178)
- Đầu không thì gia 青皮 (181)
- Đờm nhiều thì gia 瓜蒌, 杏仁, 贝母 (179-180)
- Sốt rét như bệnh Ngược thì gia 桂 (182)
- Khát thì gia 天花粉, 知母 (184)
- Răng khô, không bọt miệng thì gia 石膏 (183)
- Hắt hơi thì gia 五味子, 金沸草 (185, 186) "嗽"
- Nếu là Hoại chứng 坏症, thì gia 鳖甲 (208)
- Nếu lòng mang buồn chưa hết thì không phải là chứng Kết hung 结胸, mà là Biểu tà 表邪 truyền vào ngực mà chưa vào phủ 腑. Chứng tuy đầy buồn mà còn ở ngoài. Chỉ nên dùng 小柴胡 gia 枳实. Nếu chưa khỏi thì lấy bài này đối lại

咳嗽 (He-sou) hắt hơi

VI. ~~Đại~~ SÀI HỒ SONG GIẢI ẨM ~~大~~柴胡双解飲

Thứ sáu Sài hồ song giải ẩm 「胆经
Túc thiếu dương 足少阳 truyền giáp Đảm kinh
Sơ liền sốt rét nóng mình
Tức sườn, 嘵嘔 rành rành vang tai
Lưỡi khô miệng đắng <u>dấy hấy</u> 呰咍
Bán biểu bán lí, mạch lại số huyền 数弦
Hãn hạ thổ 汗下吐 chẳng khá nên
<u>Hợp</u> dùng hoà giải, bệnh liền giải tô 皆甦
Nhân sâm Cam thảo Sài hồ
Hoàng cầm Bán hạ hợp cho Trần bì
Thược dược đẳng phân cùng thì
Khương tam, Táo nhất, Thủy nhị sắc qua
Chiếu pháp 艾汁 ngải trấp bớt ra
Sắc còn một chén, ăn hòa phục thôi
Thuốc tiện chẳng thấy lời <u>đọi</u> 隊
12a BẠCH PHỤC/LINH vị 未 cấp bổi lại gia
Dẫu thấy 嘵嘔 mửa ra
KHƯƠNG TRẤP TRÚC NHỮ cũng hoà khá yên
Đàm gia HẠNH NHÂN cũng nên
QUA LÂU, BỐI MẪU bệnh thuyên tức thì
Hiếp thống 脇痛 hợp gia THANH BÌ
Sửa NGƯỢC 瘧 thêm có QUẾ CHI gia vào
Xỉ thống 齒痛 lại có 石膏 THẠCH CAO
Khát gia 知母瓜蔞根 TRI MẪU QUA LÂU CĂN rày
Suyễn gia NGŨ VỊ TỬ nay
Có KIM PHÍ THẢO gường tay Cúc hoa
Tâm hạ bảo muốn vị trừ 心下飽悶未除
<u>Chửa</u> thật BIỂU TÀ còn ở <u>nương long</u>

VI
(chúc vội)

Tiểu hãm hung 小陷胸, gia 桔梗, cát cánh, uống liền thấy hiệu nghiệm như thần! (187-194

Nếu là thương hàn thuộc chứng Hư phiền thì gia 竹葉 sao gạo nếp 糯米. (195-196)

Nếu Kinh này (足少陽胆经) cùng Dương minh 陽明 hợp bệnh, thì gia 葛根, 芍藥 như liễm hạt cải (197-198),

Đàn bà mà bị nhiệt vào huyết-thất, thì nên gia 当归, 紅花 199-200)

Đàn ông mà bị nhiệt vào huyết thất thì gia 生地黄 (201-202)

Nếu đàn bà già bị thương hàn vô biểu, và nhiệt thắng thì gia 大黄. Nếu nóng lắm thì gia 苦→芒(?)石硝 (203-206)

.Chớ nên truyền chứng kết hung 结胸
Ba xá tạm dùng Tiểu sài hồ thang
Lại gia CHỈ THỰC 枳实 [小陷胸] 灯
Chưa hiệu 效 bằng dường đối tiểu hãm hung
Lại gia Cát cánh hợp dùng
Loại THƯƠNG HÀN chứng, cong 空 lòng phiền hư
Trúc diệp thục mễ khá trừ [阳明
Thấy bản kinh bệnh 体本经病 hợp hoà dương minh
128 Cát căn thược dược / càng lành
Bằng lát một cái đành rành chỗ ngoa
Nhiệt nhập huyết thất 室 đàn bà
Gia đảng QUI VĨ HỒNG HOA khá dùng
Nhiệt nhập huyết thất đàn ông
SINH ĐỊA HOÀNG với 未 gia cũng khá nên
Dù thấy hư nhược lão nhân
Thương hàn vô biểu 無表 bởi phần sốt thay
Kíp gia ĐẠI HOÀNG mửa chầy
Hoặc là chẳng đã, thêm rày mang tiêu
Thấy chứng hoại bệnh thì thường sao
Tìm đòi miết giáp giao vào khá nên

vu chú Hán văn (14a;

Thang QUẾ CHI ĐẠI HOÀNG trị bệnh ở[2] kinh Túc THÁI ÂM TỲ kinh: bụng đầy mà đau. Họng khô mà khát. Tay chân ôn hòa. Mạch trầm mà có sức. Ấy bởi tà nhiệt theo Dương kinh 陽經 truyền Âm Kinh 陰經

14b
桂枝 芍藥 甘草 大黃 枳实
柴胡

Dùng 2 chung nước, 3 phiến gừng, 3 thìa nước có mài kau. Uống hâm hẩm. Nếu kinh này (Tỳ) mà bụng đầy, Kỵ sợ rét mà truyền thì gia 大腹皮 bỏ 甘草

VII Thang QUẾ CHI ĐẠI HOÀNG 桂枝大黃

Thứ bảy thang ĐẠI HOÀNG QUAN-QUẾ
Túc thái âm 足太陰 truyền chi TÌ GIA 脾家.
14a Bởi nếu/ DƯƠNG KINH nhiệt tà
Âm kinh truyền chỉ, thật là phải thay
Phúc trung thống mãn hằng đầy
Khẩu khan nhi khát, chân tay ôn hòa
Mạch trầm hữu lực càng ra
Đức hạ Vị phủ 胃府, nhiệt tà lợi đa
Sài hồ Thược dược Quế chi
Cam thảo Chỉ xác gia chi Đại hoàng
Thủy tiễn Đại táo Sinh khương
Chủ pháp Ma thủy Tân lang ba thìa
Suyễn mãn bất ố Hàn thì
Gia Đại phúc bì, Cam thảo cất ra.

VIII. Gia vị lí trung ẩm 加味理中飲

Thứ tám Gia vị lí trung ẩm
Túc Thiếu âm Thận cảm tà lai 足少陰腎
Bụng lợi bất lợi khôn nài
Bất khát vô khát mạch lai hư trầm
Tạng hàn tiết lợi 泄 man nhâm 任
Can khương Bạch truật Nhân sâm Trần bì
Cam thảo Phục linh Quế chi
Khương, Táo, Thanh-thuỷ thừa thừa sắc qua
Sao Trần bích thổ thiếu hoà
Dĩ trợ vị khí thật là hiệu thay
Ôn kinh như mẫn 濡滿 hằng đầy
Tụa giảm Cam thảo biết hay 氣 đừng
Dư thầy ẩu thổ 嘔 ợt chẳng 春
15b Bán hạ Khương trấp đều cùng khá cho
Hoặc là quên-ngoạ 踍 ngâm co → 踡
Lợi trọng bất chỉ 利重不止 ẩu lo nhiều bề
Thục phụ tử thiếu gia chi
Lợi lâu thân thể hằng lề những đau
Cấp ôn 急溫 Phụ-tử thiếu sau
Tự lợi phúc thống làm nao 𠃣 chớ đành
Mộc hương mài 埋 với nước giếng 𣳔
Ôn ôn phục đã, phép rằng hoà trung
Quyết âm 厥陰 ít 𠃣 → 乙. hư chớ thung 春
Hoà thêm khí nghịch thượng xung đôi lần
Đói thì cơm chớ muốn ăn
Ăn vào đau-đớn có phần thổ hồi 吐蛔
Đại tiện sán tựa hốt
Đại hoàng thủ mật gia đôi chớ, phương 纺 → 妨

踡蹋跼: 不伸 蛔: giun lãi bụng

IX Nhân trần tướng quân thang 茵蔯將軍湯

Bực chín* (tướng) NHÂN TRẦN thang ẩm
THỦ ĐẠI ÂM PHẾ 手大阴 肺 cảm tà thương
Phúc mãn thân mục 身目 phát hoàng
TIỂU TIỆN bất lợi, đại-trường thật kiên
Đầu hãn 頭汗 đáo cảnh như hoàn
Mạch lại trầm trọng khát phiền đòi khi
NHÂN TRẦN liền có Sơn chi 山梔
Đại hoàng Chỉ thực 枳实 cùng thì khá thông
HOÀNG CẦM CAM THẢO hợp dùng
SINH KHƯƠNG THANH THUỶ đều cùng sắc qua
Chưng phép Đăng tâm 灯芯 lại gia
Tiểu tiện thanh lợi thật là thuốc yêu
Dù thấy đại-tiện tự điều
ĐẠI HOÀNG HẬU PHÁC cũng đều khử đi
Lại gia lấy ĐẠI PHÚC BÌ 大腹皮
Thuốc lành phục được đang khi thấy tiểu.
Tiểu tiện dù thấy ra nhiều
Kì hoàng 其黄 bách thoại 百退 thuốc yêu lạ dường

x ĐẠO XÍCH ẨM (17G/12 dòng)

trọ tiểu tiện khó lợi, ~~hoặc ít mà đỏ lại khát. Mạch~~ Bụng dưới đầy, hoặc hạ tiêu 下焦, nóng ngầm. Hoặc muốn uống quá nhiều. Hoặc tiểu-tiện ngắn và đỏ, mà lại khát. Mạch trầm sổ 沉数. Cốt làm lợi tiểu tiện nhưng sau khi chảy mồ hôi và mồ hôi dương (陽汗) nhiều thì đừng làm lợi tiểu tiện

猪苓 澤瀉 桂枝 赤伏苓 白朮
甘草 活石 山梔子

Dùng 2 chung nước, một phiến gừng, 20 gọng 燈芯

Chuy pháp là cho muối vào (入塩二字) mà uống.

Nếu trúng thấp, thì thân, mắt vàng, phải gia 茵蔯

Nếu có nước kết bụng thì gia 茵蔯 và 木通 và 燈芯.

18a Nếu nước tiểu khó lợi, mà thấy đầu chảy mồ hôi, thì đó là dương thoát 陽脫

Nếu khi mới bị bệnh không nóng, mà nói sảng, người khô khan khó chịu, tinh thần và vẻ người không tương nhau, thì thang này chưa được

X Đạo xích Ẩm 導赤飲

269 Thứ mười phương danh rằng ĐẠO XÍCH
270 Chủ nhiệt tà sức tích hạ tiêu 下焦
17a Tiểu tiện chẳng thấy lợi nhiều
Hoả khôn, hoả ít khát khao càng phiền
Phép dùng dĩ lợi vi tiên
Phục được thuốc ấy thì liền lợi ra
275 Dù thấy dương minh 陽明 hãn đa
Dĩ lợi vi giới 戒 thật là khá răn
Hợp dùng Sơn chi 山梔 tử nhân 子仁
Xích phục 赤茯 TRẠCH TẢ cùng chân TRƯ LINH 豬苓
QUẾ CHI BẠCH TRUẬT càng lành
280 HOẠT THẠCH CAM THẢO đã đành thuốc yêu
ĐĂNG TÂM 燈芯 KHƯƠNG THUỶ 姜水 no siêu
NHẬP DIÊM như từ 入鹽二字 khá đều phục thôi
Trung thấp, mình mặt vàng nôi
Gia Nhân trần 茵陳 lại phục thời khá dùng
285 Hữu thuỷ khí 有水氣 lại kết hung 結胸
ĐĂNG TÂM thêm có 木通 mộc thông gia vào
Tiểu tiện chẳng có lợi nhiều
Mồ hôi ra những trên đầu khá hay
Ấy chứng DƯƠNG Hoàt 陽脫 thật thay
290 Khởi từ đắc bệnh mới ngày mà thưa
Chẳng coi sốt-sắng 創 đâu là
17b M 噯 噴 buồn bực mình hoà / chẳng yên
Coi người mặt chẳng đám đàn 5單
294 Bấy nhiêu chứng ấy đều nên dùng ____ 塔

XI (Hải-văn 17a. dòng)

Thang này trị Thương hàn. nhiệt tà truyền vào trong, kết thực, miệng ráo, cổ khô, sợ nóng. nói sảng, co rỏ ăn chẳn, nói cuồng, hoa tay. đạp chân; da có điểm vàng. Quyết dương, sôi nóng, bụng trướng, đổ mồ hôi. Đây ngộ chứng quanh đòn. đau nhừ, đều có thể trị bằng thang này rất hay:

大黄　枳实　黄芩　厚朴　甘草
柴胡　芒硝　芍藥　(đều phân nhau)

Lấy 2 chung nước đun sôi cuộn cuộn ba lần sau cho thuốc vào sắc cho đến 8 phần.

Pháp dùng (chủy pháp) là cho ba thìa thìa nước để sắt vào thuốc mà uống. Bính sắt là nóng chìm, lấy nghĩa là trầm trong, rất có thể làm rơi nhiệt, mở kinh rất hay. Đó là bí quyết dấu nghìn vàng không đổi

XI Lục ất thuận khí thg 六乙順气汤

. Thứ mười một Lục ẤT THUẬN KHÍ
Chủ NHIỆT TÀ TRUYỀN LÍ 裡 sơ phân 初分
Tạ 卸 (cởi) chăn bỏ áo nằm trần
Buồn muốn, bặt-bã tay chân cũng phiền
Kết thắt, khẩu ráo, yết 咽 càn [cuồng
Phạ (怕=sợ) nhiệt, chiêm* ngữ 譫 vọng ngôn loạn
Dương quyết 陽厥 triều nhiệt ban hoàng 斑
Bự hãn, phúc trướng, rấn cũng đau ê
Hoà thêm bĩ thống 痞痛 nhiễu tề 遶臍
Chữa bấy nhiêu chứng đang khi hiểm nghèo
Thược, xược, Chỉ thực Phu sao 麸炒
Sài hồ Cam thảo Mang tiêu Đại hoàng
Hoàng cầm Hậu phác tương đương
Chế thôi khử đã cân bằng 秤 mới nên
Nước trong hai chén sơ tiễn 煎
18b Liều/bể ba chốc sôi lên cho đều
Sau sẽ ~~nhập~~ tám vị tra vào
Sắc đến ào-ào cạn còn tám phân
Lâm phục 臨服 chưng pháp như thần
Nhập thiết tú thủy nước nên ba thìa 鉄銹
Ráo thực 燥实 chiêm* ngữ nhiều bề
Chính dương vị 正陽胃 phủ 腑 thật thì phải xong
Khát, lị ra những nước trong [nẫy
Thiếu âm tâm hạ 少陰心下 ngạnh đông 硬疼 chứng
Ráo miệng, khô dọng, buồn thay
Đại tiện kiên ngạnh lâu nay ỉ-ỉ 依
Chiêm ngữ phát khát hằng lề
Kết thắt nhiễu tề 臍 ngạnh thống cũng đau

譫 = chiêm = nói mê 銹 = 鏽. 臍 = dĩ

Thiệt quyển 舌捲 nang súc 囊縮 khôn sao!
Quyết âm chứng ấy thuốc nào cho xứng
Nhiệt làm 譫, mục bất liễu minh 不了明
Thần vong t., thủy yết 竭 nhiều phần thương thay
Đều dùng kíp hạ phương này
Cánh ky lợi: 更依利 đã, đành rày phục sau
Kết hung tâm hạ rắn đau
Ráo khát chiêm ngữ lại cầu bản phương
Khử dẫy 芒 CAM (苣→甘) THẢO chữ mang
CAM TOẠI CÁT CÁNH hợp đường gia rày
Thương hàn quá kinh lâu ngày
Còn có triệu chứng khôn thay thuyên trừ
Hoặc là huyết xuất dường ru
Lão nhân sản phụ bấy giờ khôn thay
Đều cũng khá dùng phương này
Mang tiêu 芒硝 khử hết đang tay nữa kể
Học cho biết lễ 礼 thật hư
Hư thật khá bỏ, thật thì mới đang

cất 揭 222

cong 宮 52, 194

cùng [illegible] 12

chóng [illegible] 143
chả [illegible] 16
chẳng [illegible] 7
chữa 字 46
chúng 徵 119
dùng = nhức 30

nhứ [illegible] 12

[illegible]

bởi 罢

cắt 拮
cắt 割

chẳng 庄 10 拯 42
chưa 洙 213
chừng 懲 11, 42
chống 痔 [illegible] 944
chói [illegible] 1107

dẫn 𠯽 198

đấy 苔 256

ốt [illegible] 189

gan 汧

Lâm 壹 6 [illegible] 52, 102

máu đan xắp 𡎝 245, 342
một 沒 56
mờ 𩂟 154
mỗi (~~[illegible]~~ thứ đối ra) → một
934, 1153

người 㝵 9

nhỏ 洳 160

nuốt 𠰘 150

Ói 渨 湮 153, 256
ỏi 瘣 814

rang 煬
rún 𠯽 193

Sắc 濇 80
sĩ 仕 士 300
Tía 蝫 353
Tám 糁

thay 世
thưa thớt 署舌 154
thối 退
thuốc 束, 藥 828

trả 把 846
trắng 皇 64

trong 𡧲
trong (清) 滝 65
滝中 1045
[illegible] 季 1056
[illegible] 1174, 1302

Vất 匀 354

Xao 牢 1227

bởi 罷

cất 拮
cắt 割

chẳng 庄 10 拯 42
chưa 洙 213
chừng 蒸 11,42
chóng [illegible] [illegible] 944
chói [illegible] 1107

dẫn [illegible] 198

dấy 苔 256

ớt [illegible] 189

gan [illegible]

Lãm [illegible] 6 [illegible] 52,102

máu đàn sập [illegible] 245,342
một [illegible] 56
mờ 魔 154
mỗi (~~thợ cả~~) → một (thứ đời xa) 934, 1153

người 㝵 9

nhỏ [illegible] 160

nuốt [illegible] 150

Ói [illegible] [illegible] 153,256
oải [illegible] 814

rang 煬
run [illegible] 193

sắc 濇 80
sĩ 仕 士 700
Tía [illegible] 353
Tám [illegible]

thay 世
thưa thớt [illegible] 154
thối 退
thuốc 束, 藥 828

trả 把 846
trắng [illegible] 64

trong [illegible]
trong (清) [illegible] 65
[illegible] 1045
[illegible] [illegible] 1056
[illegible] 1174, 1302

vất [illegible] 354

xao [illegible] 1227

M000907
centimeters
inches
Don Williams
All values are batch averages
D50 Illuminant, 2 degree observer
Density